ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1869/TTr-UBND	*Gia Lai, ngày 18 tháng 11 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII – Kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ Tư ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13:

- Tại khoản 3, Điều 9[1] quy định: *"Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn".*

- Tại điểm c, d, e khoản 9 Điều 30[2] quy định: *"c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này; d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các*

---

[1] Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách

[2] Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp

khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương; e) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương".

- Tại khoản 9 Điều 31[3] quy định: *"a) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này;".*

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ[4] quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính[5] quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN. Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Năm 2021 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, quy định kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2022-2025. Và Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND, sẽ hết hiệu lực thi hành, cần phải ban hành quy định mới để áp dụng cho giai đoạn 2022-2025.

Từ căn cứ và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSĐP năm 2022 *(năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025)* thay thế cho Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND, làm căn cứ xây dựng dự toán NSNN giai đoạn 2022 - 2025, là có đủ căn cứ pháp lý và thực sự cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

---

[3] Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp.

[4] Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định: *"Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, khả năng ngân sách địa phương và đặc điểm tình hình ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách ở địa phương"*

[5] Điểm a, Khoản 6, Điều 11, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định: *"Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách: Căn cứ nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương để làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới lập dự toán chi ngân sách..."*

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và là cơ sở để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán NSNN và phương án phân bổ NSĐP năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới, đồng thời, làm cơ sở để bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố.

- Gắn quyền hạn, trách nhiệm và tạo chủ động của cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách; khai thác nguồn thu ngân sách và sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả.

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Tập trung khắc phục những vướng mắc và kế thừa những mặt tích cực của phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020; đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Phù hợp trình độ và khả năng quản lý; tăng quyền hạn và trách nhiệm các địa phương trong quản lý ngân sách; khuyến khích các huyện, thành phố, thị xã khai thác tối đa các khoản thu ngân sách, tăng thu ngân sách để chi đầu tư.

- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cơ quan, địa phương trong quá trình lấy ý kiến xây dựng Nghị quyết;

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Thực hiện quy định của Luật NSNN, Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

- Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính xây dựng dự thảo (lần 1) Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gửi xin ý kiến của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố bằng văn bản; xin ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

- Đến ngày 31/10/2021, Sở Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 29 các cơ quan, đơn vị và địa phương. Các cơ quan tỉnh và các địa phương đánh giá cao quá trình chuẩn bị của Sở Tài chính và cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu,

nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị và các địa phương, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết, gồm 2 phần:

- Dự thảo Nghị quyết.

- Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Kết cấu và các nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết:

- Điều 1. Kèm theo Nghị quyết này "Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai".

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

3. Kết cấu và các nội dung chủ yếu của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết:

- Chương I: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Chương II: Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương. Gồm:

+ Mục 1: Phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương

Điều 1. Phân cấp nguồn thu các khoản thuế; lệ phí môn bài;

Điều 2. Phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;

Điều 3. Phân cấp nguồn thu của các lĩnh vực còn lại.

+ Mục 2: Phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương

Điều 1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh;

Điều 2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện;

Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

- Chương III: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên. Gồm:

Điều 4. Tiêu chuẩn phân bổ;

Điều 5. Định mức phân bổ;

Điều 6. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tư xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Phước Thành

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước .

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025

1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

- Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ quan trọng của địa phương; bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã được phân cấp nguồn thu để chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên trừ các nguồn thu không ổn định hàng năm; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, khai thác, chống thất thu ngân sách tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

a) Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới.

b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

đ) Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

e) Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài;

f) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ

động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương;

g) Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước *(không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất)* và dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

h) Quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác tại Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ: huyện, thị xã, thành phố phân bổ không được thấp hơn mức tỉnh phân bổ cho địa phương; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Phân cấp nguồn thu các khoản thuế; lệ phí môn bài

1. Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% các khoản thu gồm:

a) Thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn nhà nước do Cục thuế tỉnh quản lý trực

tiếp người nộp thuế. Khoản thu quy định tại điểm này không bao gồm nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)

b) Thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước.

2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách huyện) hưởng 100% gồm:

a) Thu từ doanh nghiệp không có vốn của nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế.

- Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)

- Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình, dự án bằng nguồn vốn khác trên địa bàn cấp huyện (không phân biệt loại hình doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thi công xây dựng do cơ quan thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp).

- Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2022 đến hết năm 2025.

Điều 5. Phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước

1) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:

a) Ngân sách cấp tỉnh:

a1) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%: Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện;

a2) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền một lần từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền hàng năm của các tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế.

b) Ngân sách huyện:

b1) Ngân sách huyện hưởng 90%, ngân sách cấp tỉnh hưởng 10% (để thực hiện dự án đo đạc): Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư

thực hiện; tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định;

b2) Ngân sách huyện hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền hàng năm của các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế.

2) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

Điều 6. Phân cấp nguồn thu của các lĩnh vực còn lại

1 Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (kể cả thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông):

a) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh xử lý: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện xử lý: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

c) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp xã xử lý: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

2) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu tiền bán cây đứng; các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

3) Thu sự nghiệp; thu phí và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; thu tiền cho thuê quầy bán hàng; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

c) Riêng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

4) Lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: ngân sách huyện hưởng 100%.

5) Thu kết dư ngân sách địa phương:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

6) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: thu từ ngân sách trung ương bổ sung.

b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung.

c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp huyện bổ sung.

7) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

8) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản:

a) Đối với Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép khai thác khoáng sản do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh.

b) Đối với Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh 70%; Ngân sách cấp huyện 30%.

9) Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Mục 2

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý; đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư).

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; cấp vốn điều lệ và hỗ trợ các Quỹ hỗ trợ đầu tư, trích lập quỹ phát triển đất; hỗ trợ doanh nghiệp, thương mại của địa phương.

c) Hỗ trợ các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, chi khen thưởng cho các tổ chức kinh tế có thành tích thực hiện tốt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đóng góp nguồn thu v.v... được địa phương khuyến khích.

d) Hỗ trợ ngân sách đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng ngân sách cấp tỉnh.

đ) Hỗ trợ xây dựng Cơ sở Huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh; xây dựng Chốt chiến đấu Dân quân thường trực trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Lĩnh vực giao thông: duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới đất liền, biển cảnh báo biên giới, công trình bảo vệ cột mốc biên giới thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện); hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;

- Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: hoạt động của các trung tâm; hoạt động bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông; hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chi các dự án nông nghiệp; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi;

- Lĩnh vực lâm nghiệp: hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hoạt động khuyến lâm; chống khai thác, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép;

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành;

- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường, sự nghiệp thông tin và truyền thông; hoạt động du lịch;

- Chi các hoạt động xúc tiến đầu tư, công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại, khuyến công, khuyến khích hỗ trợ đầu tư khuyến công;

- Điều tra cơ bản và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Điều tra cơ bản, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường; hoạt động quan trắc môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên; rừng quốc gia thuộc tỉnh quản lý;

- Phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục trung học phổ thông (kể cả dân tộc nội trú, bổ túc văn hóa);

- Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp tỉnh; tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định; kinh phí thực hiện quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGTDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Thông tư số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2007 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập cho các trường do cấp tỉnh quản lý.

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số

39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt và đối tượng khác học tại Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991.

- Kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng công an xã (trừ công an chính quy), bảo vệ dân phố.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác tại cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện (Bệnh viện tuyến tỉnh, dự phòng tuyến tỉnh; bệnh viện tuyến huyện, Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố);

- Mua thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định;

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.

đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Chi các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ khác theo quy định của pháp luật.

e) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Hoạt động của các trung tâm, trại xã hội thuộc tỉnh quản lý;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người bị nhiễm chất độc hóa học; cứu đói, cứu trợ xã hội đột xuất;

- Khắc phục thiên tai trên diện rộng, vượt quá khả năng của Ngân sách cấp huyện;

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; đào tạo cán bộ quân sự địa phương; huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng khác do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp tỉnh thực hiện;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp tỉnh;

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp tỉnh thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025;

- Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn theo quy định tại Quyết định 799/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã phường, thị trấn trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo;

- Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do cơ quan quân sự, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác thuộc cấp tỉnh thực hiện;

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhiệm vụ đột xuất về quốc phòng theo quy định khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

- Diễn tập và hội thao quốc phòng theo Kế hoạch của tỉnh do cơ quan quân sự cấp tỉnh thực hiện;

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp tỉnh thực hiện;

- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật;

- Quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương;

- Phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện;

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và quản lý bảo vệ biên giới;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Hỗ trợ cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Trang phục cho lực lượng Công an xã, thị trấn (trừ công an chính quy); trang phục cho bảo vệ dân phố theo chế độ quy định;

- Công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng;

- Công tác lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng bắt buộc, chi hoạt động tạm giữ hành chính người và tài sản;

- Chi đền bù và trợ cấp đối với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp Tỉnh thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

k) Hỗ trợ hoạt động của Đoàn đại biểu quốc hội của tỉnh.

l) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

m) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp tỉnh.

o) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

p) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện.

q) Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và hỗ trợ kinh phí xuất bản báo Gia Lai.

r) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

s) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

t) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

) Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách năm sau.

u) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác quốc tế.

x) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính; chi thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai".

v) Thực hiện vốn đối ứng theo quy định của pháp luật.

y) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy định này):

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè, công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách cấp tỉnh đầu tư);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trụ sở xã, trường mầm non,trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới);

- Đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt của Công an xã theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Hỗ trợ xây dựng trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện, thị xã, thành phố;

- Đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện của huyện, thị xã, thành phố;

- Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, , kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

b) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.

c) Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ Phát triển đất; chi hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa ; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ) do cấp huyện, cấp xã quản lý;

- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;

- Lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cấp huyện quản lý;

- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

-Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng, tưới nước cây xanh, thảm cỏ đô thị;

- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;

- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hóa);

- Công tác xóa mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;

- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, hướng nghiệp dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương bình & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy

định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định cho các trường do cấp huyện quản lý;

- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

đ) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cồng chiêng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

e) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do huyện quản lý;

- Cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất;

- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do huyện, thị xã, thành phố tổ chức;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 tháng 2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025.

- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực ở 07 xã biên giới và 01 xã nội địa, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;

- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ (bao gồm kinh phí đảm bảo vật chất hậu cần cho dân quân thường trực theo quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ), hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở và xã biên giới;

- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách huyện, thị xã, thành phố được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh cho cơ quan quân sự, các đồn Biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác của huyện, thị xã, thành phố.

- Diễn tập và hội thao quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp huyện thực hiện.

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");

- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);

- Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở và xã biên giới;

- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp huyện thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

k) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố.

l) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện, thị xã, thành phố.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.

n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.

o) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

p) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình mục tiêu nhiệm vụ, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

q) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

r) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương.

s) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.

u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định

phù hợp với khả năng quản lý của từng xã; Quy hoạch để đảm bảo theo quy định tại Luật Quy hoạch;

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp.

b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.

b) Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Hoạt động của Ủy ban Măt trận Tổ quốc Việt Năm, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.

d) Chế độ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo qui định của trung ương và địa phương.

đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.

e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.

f) Chi cho công tác bảo về rừng do cấp xã quản lý.

g) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật; hoạt động hòa giải ở cơ sở; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật..

h) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục...).

i) Hỗ trợ đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.

k) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng, tổ dân phố. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.

l) Hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

m) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.

n) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:

- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã;

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo quy định của pháp luật.

o) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã (trừ Công an phường), bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;

- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã, phường, thị trấn;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

p) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn

q) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

r) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

s) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.

t) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

u) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 10. Tiêu chí phân bổ

Về tiêu chí phân bổ:

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: chọn qui mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách. Cụ thể:

+ Đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề: chọn tiêu chí số lớp;

+ Đối với các đơn vị quản lýnhà nước, đảng, đoàn thể: chọn tiêu chí biên chế.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công;

- Đối với Ngân sách cấp huyện, cấp xã: chọn qui mô về dân số có phân loại theo 4 vùng (Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tác, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Theo đó, có quy định: Vùng đặc biệt khó khăn, gồm: Toàn bộ dân số ở các xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền; Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn (không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II) theo quy định của cấp có thẩm quyền; Vùng đô thị: Bao gồm dân số ở các phường, thị trấn còn lại (không kể dân số ở các phường, thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn); Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số ở các xã thuộc khu vực còn lại.). Ngoài ra, tùy theo các lĩnh vực chi sẽ có các tiêu chí phân bổ khác bổ sung như quỹ tiền lương; số đơn vị hành chính cấp huyệnvà cấp xã; loại đô thị, số di tích lịch sử, văn hóa; xã biên giới; phân bổ hỗ trợ thêm cho huyện có dân số thấp; điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra; bổ sung thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế cho các vùng động lực của tỉnh: sự nghiệp môi trường theo quy mô dân số và đô thị; đưa vào cân đối chi các chế độ, chính sách hiện hành... tạo điều kiện cho ngân sách cấp huyện và xã có kinh phí đảm bảo chi cho các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước.

Điều 11. Định mức phân bổ

1) Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

1.1) Định mức phân bổ chi quản lýhành chính:

a) Phân bổ theo biên chế (kể cả hợp đồng được giao):

Áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái; số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị được chia thành các bậc khác nhau với quy mô biên chế bậc đầu tiên là 19 biên chế trở xuống. Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

STT	Quy mô biên chế	Định mức
1	Từ 19 biên chế trở xuống	32
2	Từ biên chế thứ 20 đến 29	31
3	Từ biên chế thứ 30 đến 49	30
4	Từ biên chế thứ 50 trở lên	29

b) Phân bổ bổ sung:

- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc),Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao;

- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh, Ban Dân tộc khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Các đơn vị dự toán cấp I có nhiều đơn vị trực thuộc bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo được tính bổ sung thêm 10% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc); Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được sung thêm 5% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị đã được phân bổ bổ sung 20% và 50% nêu trên);

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù thường xuyên (theo quy định tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước) của Khối Đảng tỉnh thực hiện theo văn bản quy định cơ chế quản lý tài chính, một số chế độ chi đối với các cơ quan của Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo hợp lý, tiết kiệm phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp trình Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách hàng năm;

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

c) Định mức phân bổ quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 11 Quy định này bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: tiền làm thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, hỗ trợ chi đào tạo, vật tư văn phòng, điện nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan;

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi hoạt động, kiểm tra thường xuyên của đơn vị; kinh phí thường xuyên hoạt động tiếp dân, xử lý đơn thư (trừ các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách như: các đơn vị thuộc khối Đảng tỉnh (theo Văn bản số 115-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân trên địa bàn tỉnh), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh);

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả, kinh phí nâng lương hằng năm);

- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, đoàn thể, các sở, ngành: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở;

- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương;

- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật.

- Chi mua ô tô; chi mua sắm mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho biên chếbổ sung;

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chi mua sắm (trong tiêu chuẩn, định mức quy định), bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở làm việc, sửa chữa tài sản cố định có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí quản lý hành chính được phân bổ);

- Kinh phí hỗ trợ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học;

- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh;

- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành do tỉnh thành lập;

- Các khoản chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ) Nội dung khác: Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (kể cả biên chế dự bị và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập).

e) Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức quy định tại điểm 1.1, khoản 1 Điều này nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tối đa 75%.1.2) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập:

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

- Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên (phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định). Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn thiếu.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương

khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo quyết toán hằng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định".

2.2. Định mức phân bổ:

2.2.1. Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

STT	Loại hình - Qui mô trường	Định mức phân bổ chi
1	Từ lớp thứ 17 trở xuống	48
2	Từ lớp thứ 18 đến lớp thứ 27	45
3	Từ lớp thứ 28 trở lên	42

a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng giờ, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.

b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) và kinh phí nâng lương hằng năm);

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị

quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Kinh phí hỗ trợ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo quy định tại Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định cửa cấp có thẩm quyền.

c) Các nội dung khác:

- Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Các trường có số học sinh bình quân dưới 40 học sinh/lớp (trừ các lớp học sinh dân tộc nội trú và các lớp chuyên) chỉ tính 95% định mức quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Số lớp được tính bình quân số học giữa số lớp đầu năm và số lớp sau khi khai giảng năm học mới.

2.2.2. Định mức phân bổ chi đào tạo:

Phân bổ theo số lớp đào tạo:

Đơn vị tính : triệu đồng/lớp/năm

STT	Ngành nghề đào tạo	Định mức phân bổ
1	Cao đẳng sư phạm	123
2	Trung học sư phạm	105
3	Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	105
4	Khối ngành kỹ thuật – nghiệp vụ	145
5	Khối ngành sức khỏe	115
6	Khối ngành văn hóa – nghệ thuật	65

a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ kinh phí đảm bảo hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, các chi phí hoạt động thường xuyên khác (kể cả chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị).

b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) và kinh phí nâng lương hằng năm);

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và kinh phí nâng lương hằng năm sẽ được bổ sung theo chế độ quy định;

- Học bổng học sinh, tiền ăn, tiền tàu xe đi về của học viên thuộc diện được ngân sách hỗ trợ;

- Khoản kinh phí chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy đinh tại Thông tư 07/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các nội dung khác:

- Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này áp dụng cho mỗi lớp có số học sinh là 35. Các trường có số học sinh bình quân cao hơn hoặc thấp hơn 35 học sinh/lớp được cộng hoặc trừ tỷ lệ % so với định mức. Cụ thể:

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn 35, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn 35, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Riêng đối với các lớp học sơ cấp nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH (22 học sinh/lớp), lớp Trung cấp nghề, cao đẳng nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (lớp nghề bình thường: 22 học sinh/lớp, lớp nghề nặng nhọc độc hại: 16 học sinh/lớp); các lớp Trung học Văn hóa Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/TT ngày 20 tháng 8 năm1987 của Bộ Giáo dục quy định tạm thời chế độ giảng dạy của giáo viện mỹ thuật, hội họa., âm nhạc ở các trường, khoa, lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chuyên dạy hoặc kiêm nhiệm dạy mỹ thuật, hội họa, âm nhạc (20 học sinh/lớp); các lớp Cao đẳng Y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số

16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (23 học sinh/lớp)"

+ Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này áp dụng cho thời gian học trong năm là 11 tháng;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn quy định, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn quy định, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Số lớp được tính bình quân gia quyền theo số tháng học trong năm.

- Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này chỉ áp dụng đối với các lớp đào tạo do ngân sách cấp tỉnh đài thọ và được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao chỉ tiêu nhiệm vụ.

2.2.3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

a) Phân bổ chi khám, chữa bệnh:

"Giai đoạn 2022-2025 thực hiện hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Cụ thể:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên;

- Hằng năm, thực hiện nghiêm lộ trình giá dịch vụ khám chữa bệnh, phấn đấu tăng khả năng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế để giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Định mức chi công tác y tế dự phòng, dân số, trạm y tế (Tuyến tỉnh, tuyến huyện).

- Định mức chi thường xuyên chi công tác y tế dự phòng tuyến tỉnh: được hỗ trợ chi hoạt động vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

- Định mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.3, khoản 2 Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ chi hoạt động sự nghiệp y tế của các đơn vị, chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị y tế có giá trị nhỏ.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.3, khoản 2 Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc diện chính sách xã hội.

- Vốn đối ứng cho các dự án.

- Đối với mua sắm trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn, hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cân đối để thực hiện.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên, đột xuất của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.2.4. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp và nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao cho Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện.

2.2.5. Định mức phân bổ chi các lĩnh vực chi còn lại:

- Tiêu chí xác định định mức: theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao;

- Định mức chi thường xuyên: ngân sách nhà nước đảm bảo quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của những người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hỗ trợ chi hoạt động được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng đấu thầu, hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền qui định theo pháp luật. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên còn thiếu sau khi đơn vị đã cân đối, sử dụng nguồn thu sự nghiệp (sau khi trừ chi phí) và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trên cơ sở định mức chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định.

- Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân Tỉnh.

3) Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

3.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

3.1.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp huyện:

a) Phân bổ theo tiêu chí chính:

- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2021-2022 của cấp có thẩm quyền).

b) Phân bổ theo dân số:

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi.

Đơn vị tính : đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	769.450
Vùng còn lại	1,15	884.860
Vùng khó khăn	1,3	1.000.280
Vùng ĐBKK	1,70	1.308.060

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi).

Đơn vị tính : đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	26.220
Vùng còn lại	1,15	30.150
Vùng khó khăn	1,30	34.090
Vùng ĐBKK	1,70	44.570

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục – đào tạo và dạy nghề....

- Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

c) Các nội dung khác:

Trên cơ sở định mức quy định tại mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 11 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm 2021 và học bổng học sinh dân tộc nội trú cao hơn 80% tổng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 20% cho các khoản chi còn lại (chưa kể nguồn thu học phí)

d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương bình & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

3.1.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp xã:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	12.320
Vùng còn lại	1,15	14.160
Vùng khó khăn	1,30	16.010
Vùng ĐBKK	1,70	20.940

3.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

3.2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp huyện
Vùng đô thị	1	14.970
Vùng còn lại	1,2	17.960
Vùng khó khăn	1,4	20.950
Vùng ĐBKK	1,9	28.440

b) Phân bổ bổ sung:

- Cho các di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm.

- Kinh phí thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được bổ sung theo chế độ quy định.

c) Định mức phân bổ quy định tại mục 3.2.1, điểm 3.2, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đã phân cấp cho cấp huyện.

Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.

Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, truyền thanh xã.

3.2.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.630
Vùng còn lại	1,2	4.350
Vùng khó khăn	1,4	5.080
Vùng ĐBKK	1,9	6.890

3.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình cấp huyện:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	14.140
Vùng còn lại	1,2	16.970
Vùng khó khăn	1,4	19.800
Vùng ĐBKK	1,9	26.870

Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.3, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

3.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao cấp huyện và cấp xã:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ		
	Hệ số	Định mức cấp huyện	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	4.470	3.170
Vùng còn lại	1,2	5.360	3.800
Vùng khó khăn	1,4	6.250	4.430
Vùng ĐBKK	1,9	8.490	6.020

- Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.4, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện, cấp xã; kinh phí tham gia đại hội TĐTT cấp tỉnh).

3.5) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

3.5.1) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp huyện
Vùng đô thị	1	8.640
Vùng còn lại	1,2	10.360
Vùng khó khăn	1,4	12.090
Vùng ĐBKK	1,9	16.410

b) Phân bổ bổ sung:

- Kinh phí thực hiện NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

- Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

c) Các nội dung khác:

- Hàng năm ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của Ngân sách cấp huyện.

3.5.2) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.580
Vùng còn lại	1,2	4.290
Vùng khó khăn	1,4	5.010
Vùng ĐBKK	1,9	6.800

3.6) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:

3.6.1) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	19.280	1,25	7.950
Vùng còn lại	1	19.280	1,0	6.360
Vùng khó khăn	1,5	28.920	1,5	9.540
Vùng ĐBKK	1,7	32.770	1,7	10.810

b) Phân bổ bổ sung:

- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới"): 1.000 triệu đồng/xã biên giới/năm.

- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: 67 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: 41 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân cối 82 mm: 28 triệu đồng/trung đội/năm.

- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực ở 07 xã biên giới và 01 xã nội địa : 595 triệu đồng/tiểu đội/năm.

c) Nội dung khác: Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQTW, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện.

3.6.2) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	19.280	1,25	7.950
Vùng còn lại	1	19.280	1,0	6.360
Vùng khó khăn	1,5	28.920	1,5	9.540
Vùng ĐBKK	1,7	32.770	1,7	10.810

3.7) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

3.7.1) Đối với cấp huyện:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt:

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:

- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): 2.300 triệu đồng/huyện/năm.

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1,25	10.080
Vùng còn lại	1,0	8.060
Vùng khó khăn	1,5	12.090
Vùng ĐBKK	2,0	16.120

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí trang phục, hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo quy đinh tại Nghị quyết số 109/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức quà tặng chức thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã; Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW

ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; Hỗ trợ kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 856-QĐ/TU ngày 03 tháng 01 tháng 2018 của Tỉnh ủy quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa;

+ Hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Các nội dung khác:

- Trên cơ sở định mức quy định tại mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 11 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế ở thời điểm cuối năm 2021 cao hơn 75% tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 25% cho các khoản chi còn lại.

- Các huyện, thị xã, thành phố tự xây dựng dự toán chi đối với các cơ quan hành chính để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

3.7.2) Đối với cấp xã:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính

+ Cấp xã: 1.000 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; Kinh phí khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phụ cấp Đại biểu HĐND xã; Phụ cấp ủy xã;

3.8) Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế cấp huyện:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu dân số:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	0,85	193.970
Vùng còn lại	1,0	228.200
Vùng khó khăn	1,5	342.300
Vùng ĐBKK	2	456.400

b) Phân bổ theo loại đô thị:

- Đô thị loại I: 140.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại II: 85.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại III: 24.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại IV: 17.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại V: 8.500 triệu đồng/đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại I thành phố Pleiku: 25.000 triệu đồng /đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại IV Ayun Pa, An Khê và Chư Sê: 10.000 triệu đồng /đô thị; để chỉnh trang đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại V: 5.000 triệu đồng /đô thị; để chỉnh trang đô thị;

c) Phân bổ bổ sung

- Đối với kinh phí miễn thu thủy lợi phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.8, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

e) Các nội dung khác: Ngoài số kinh phí được phân bổ, toàn bộ khoản thu tịch thu vi phạm lâm luật do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố (kể cả Hạt Kiểm lâm) và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý được để lại bổ sung chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

3.9) Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện:

a) Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức.

b) Bổ sung cho thành phố, thị xã và các huyện:

- Thành phố Pleiku: 12.000 triệu đồng/năm

- Thị xã An Khê, AyunPa và huyện Chư Sê: 4.020 triệu đồng/năm

- Các huyện: Đăk Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.920 triệu đồng/năm; các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.200 triệu đồng/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

3.10) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện:

Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại I: 600 triệu đồng/năm; Đô thị loại II: 550 triệu đồng/năm; Đô thị loại III: 520 triệu đồng/năm; Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/năm; Đô thị loại V: 400 triệu đồng/năm (huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại V).

3.11) Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách địa phương:

a) Phân bổ tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 3.1 đến mục 3.10, trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi an ninh quốc phòng qui định tại điểm b mục 3.6.

Định mức phân bổ chi thường xuyên khác cho Ngân sách huyện , thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị trong các cơ quan quản lý hành chính, phụ cấp và hoạt động cho y tế thôn, buôn, làng.

b) Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 500 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn.

3.12) Phân bổ bổ sung:

a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2021 thấp được phân bổ thêm:

- Dưới 50.000 dân: phân bổ thêm 15.000 triệu đồng/địa phương.

b) Phân bổ cho huyện Kông Chro có điều kiện kinh tế khó khăn: 800 triệu đồng/huyện/năm.

c) Phân bổ cho các địa phương còn lại (không kể huyện khó khăn) có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều hoặc diện tích của địa phương rộng:

- Từ 10 đến dưới 15 đơn vị hành chính cấp xã (hoặc diện tích từ 200 km2 đến dưới 400 km2): 500 triệu đồng.

- Từ 15 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (hoặc diện tích trên 400 km2): 600 triệu đồng.

d) Hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra (Gồm: huyện Kbang, Ia Grai Chư Păh, Krông Pa, An Khê, Krông Chro, Phú Thiện, Ia Pa, Ayun Pa): 2.500 triệu đồng/huyện/năm.

3.13) Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:

Tính bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách từng cấp, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3.14) Đối với xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, làng, tổ dân phố; di tích văn hóa, lịch sử; Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực được xác định theo Quyết định thành lập, quyết định công nhận hoặc chỉ tiêu giao của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 nếu có tăng thêm mới sẽ được tính toán bổ sung có mục tiêu như sau:

a) Xã, phường, thị trấn: được bổ sung chi thường xuyên cho địa phương bằng mức trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.

b) Thôn, buôn, làng, tổ dân phố: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

c) Di tích văn hoá, lịch sử được xếp hạng: 100 triệu đồng/di tích/năm.

d) Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

Điều 12. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh

1) Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh hằng năm.

2) Đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh; Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu

của ngân sách nhà nước, tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.

4) Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022 - 2025

STT	Nội dung các khoản	Pleiku		Đăk Đoa		Mang Yang		An Khê		Kbang		K.Chro		Chư Sê		Chư Prông		AyunPa		Krông Pa		Đức Cơ		Ia Grai		Chư Păh		IaPa		Đăk Pơ		Phú Thiện		Chư Pưh	
		NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã
I	**THU TỪ KHU VỰC CÔNG THƯƠNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NGOÀI QUỐC DOANH DO CHI CỤC THUẾ THU:**																																		
1	**Doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước (1)**																																		
a	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN)	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
b	Lệ phí môn bài	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 điều 35 Luật NSNN), thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	**Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh**																																		
a	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN)																																		
	- Thu trên địa bàn phường	80	20					80	20									90	10											50	50	50	50	50	50
	- Thu trên địa bàn thị trấn			50	50	70	30			90	10	70	30	100		70	30			70	30	60	40	70	30	60	40			50	50	50	50	50	50
	- Thu trên địa bàn xã	80	20	70	30	40	60	60	40		100		100	70	30	70	30	70	30	50	50		100	70	30	40	60	40	60	30	70	50	50	20	80
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
b	Lệ phí môn bài																																		
	- Thu trên địa bàn phường		100					50	50									30	70																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100	20	80			40	60	50	50	30	70		100				100	30	70		100		100				100	30	70		100
	- Thu trên địa bàn xã		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 điều 35 Luật NSNN), thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)																																		
	- Thu trên địa bàn phường		100					50	50									50	50																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100		100			30	70		100		100	50	50				100	50	50		100		100				100		100		100
	- Thu trên địa bàn xã		100		100		100	50	50		100		100		100	30	70		100		100		100		100		100		100		100		100		100
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
II	**THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN:**																																		
	- Thu trên địa bàn phường	80	20					80	20									80	20																
	- Thu trên địa bàn thị trấn			30	70	30	70			50	50	50	50	30	70	30	70			50	50	30	70	30	70	40	60			30	70	30	70	20	80
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	30	70	30	80	80	20		100		100	30	70	30	70	80	20	50	50	50	50	30	70	40	60	20	80	30	70	30	70		100
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
III	**THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:**																																		
	- Thu trên địa bàn phường	70	30					50	50									50	50																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100	30	80				100		100	30	70	30	70				100	30	70	30	70		100			20	80	30	70		100
	- Thu trên địa bàn xã	30	70		100	30	80		100		100		100	30	70	30	70	30	70			30	70	30	70		100	40	60	20	80	30	70		100
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
IV	**THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ VỐN THAM GIA CỦA NHÀ NƯỚC; ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ; HỢP TÁC XÃ; HỘ GIA ĐÌNH:**																																		
1	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp của các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước; đơn vị sự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý, hợp tác xã**																																		
	- Thu trên địa bàn phường		100					50	50									50	50																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100	30	70				100		100	30	70		100				100	30	70	100		100				100		100		100
	- Thu trên địa bàn xã		100		100	30	70		100		100		100	30	70		100		100		100	30	70	100		100		100		100		100		100	
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình**																																		
	- Thu trên địa bàn phường		100					50	50									50	50																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100	30	70				100		100	30	70		100				100	30	70	30	70		100				100		100		100
	- Thu trên địa bàn xã		100		100	30	70		100		100		100	30	70		100		100		100	30	70	30	70		100		100		100		100		100
	- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
V	**LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ:**																																		
1	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất)	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất																																		
	- Thu trên địa bàn phường	80	20					50	50									50	50																
	- Thu trên địa bàn thị trấn				100	30	70			40	60	50	50	30	70		100			50	50	30	70	30	70	20	80			30	70	30	70	20	80

STT	Nội dung các khoản	Pleiku		Đăk Đoa		Mang Yang		An Khê		Kbang		K.Chro		Chư Sê		Chư Prông		AyunPa		Krông Pa		Đức Cơ		Ia Grai		Chư Păh		IaPa		Đăk Pơ		Phú Thiện		Chư Pưh	
		NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã
	- Thu trên địa bàn xã	20	80		100	30	70		100		100		100	30	70		100		100	50	50		100		100	20	80	20	80	30	70	30	70	20	80
	- Thu qua thanh tra, thu qua khấu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
VI	**THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT:**																																		
1	Thu tiền sử dụng đất dự án do ngân sách huyện đầu tư thực	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	Thu tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện đầu tư thực hiện)																																		
	- Thu trên địa bàn phường, thị trấn	100		80	20	100		100		100		100		100		100		100		90	10	100		100		100				80	20	100		80	20
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	20	80	20	80	100		20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80
VII	**TIỀN CHO THUÊ ĐẤT:**																																		
1	Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp huyện quyết định thu	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp xã quyết định thu																																		
	- Thu trên địa bàn phường, thị trấn	40	60	40	60	40	60	100		40	60		100	40	60	40	60	40	60	20	80		100	40	60	40	60			40	60	40	60	40	60
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80		100	20	80	20	80	20	80	20	80		100	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80
VIII	**THU PHẠT VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG:**																																		
1	Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do người có thẩm quyền cấp huyện: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do người có thẩm quyền cấp xã xử lý: Cấp xã hưởng 100%		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
IX	**CÁC KHOẢN THU CÒN LẠI:**																																		
1	Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (2)	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
2	Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (3)		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100

GHI CHÚ:

(1) Doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của nhà nước: Bao gồm kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác), các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (không có vốn tham gia của Nhà nước), đơn vị sự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý.

(2) Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% gồm: Thu từ bán tài sản Nhà nước do cấp huyện quản lý; Tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do huyện quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do ngân sách cấp huyện đầu tư và do cơ quan cấp huyện quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cơ quan cấp huyện quản lý; Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các đơn vị do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật; Tiền thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu do các cơ quan cấp huyện (kể cả Hạt kiểm lâm) xử lý; Thu tử tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện xử lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của các đơn vị do cấp huyện quản lý thực hiện, Thu bổ sung ngân sách cấp huyện, thu kết dư ngân sách cấp huyện năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang; Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.

(3) Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% gồm: Thu từ bán tài sản Nhà nước do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cấp xã quản lý, Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các bộ phận do cấp xã quản lý; Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật; Tiền thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử lý, Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do cấp xã quản lý thực hiện; Thu bổ sung ngân sách cấp xã, thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

(*) Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, trường hợp có quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập xã, phường, thị trấn mới, thì tỷ lệ phần chia các khoản thu giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã ở xã, phường, thị trấn mới thành lập được thực hiện theo tỷ lệ phần chia như trước khi có quyết định thành lập.

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý VÀ Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Thống nhất phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản; tuy nhiên, đề nghị chỉnh sửa tên gọi của dự thảo Nghị quyết, Điều 1 dự thảo Nghị quyết, tên gọi dự thảo Quy định, Điều 1 dự thảo Quy định bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 9, Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước, khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 đồng thời bảo đảm bao quát nội dung chính của dự thảo văn bản. **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết - Nhằm đảm bảo bố cục nội cung được hợp lý, đề nghị chuyển Điều 2 sang dự thảo Quy định - Ở tên điều, đề nghị xác định tên điều là cụm từ chỉ nội dung chính của điều, bảo đảm tính thống nhất giữa tên điều và nội dung cụ thể - Ở Điều 2, đề nghị bỏ các nội dung: + Nội dung "Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ"; Vì, không cần thiết. - Ở điểm g khoản 2, Đề nghị chỉnh sửa nội dung "dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thành phố" bảo đảm nội dung được đầy đủ, chính xác. + Ở điểm h khoản 2, Đề nghị sửa nội dung "Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này" nhằm bảo đảm nội dung được chính xác. + Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Căn cứ định mức do HDND tỉnh ban hành" bảo đảm nội dung được rõ ràng đồng thời bảo đảm tính thống nhất của dự thảo văn bản. **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	Tại phần nơi nhận dự thảo Nghị quyết	Tại phần nơi nhận dự thảo Nghị quyết - Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị sửa nội dung "tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ" thành "Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính)". - Đề nghị sửa cơ quan nhận văn bản "Văn phòng: HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh" thành "Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh".**(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
		Đề nghị sử dụng từ ngữ đảm bảo chính xác, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan, như: + Xây dựng nội dung đảm bảo tính thống nhất, chẳng hạn: "đơn vị sự nghiệp", "đơn vị sự nghiệp công lập";.. + Đề nghị nghiên cứu lại nội dung "doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp", nội dung "doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp"; xây dựng nội dung bảo đảm chính xác.; + Đề nghị chỉnh sửa nội dung "(trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng tài sản trên đất do cơ quan nhà nước Trung ương quản lý)" bảo đảm nội dung được chính xác, phù hợp với quy định tại điểm k khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước; + Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;" bảo đảm nội dung được rõ ràng, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư (theo quy định tại Luật Đầu tư công, dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước là dự án đầu tư công; theo quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư,...); + Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Dự án do Ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định;" ở tiết b.1 điểm b bảo đảm nội dung được rõ ràng, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư. + Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đề nghị sửa nội dung "Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản" thành "giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép khai thác khoáng sản" **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	Chương II				
	PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	Bổ sung Mục 1: Phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương .**(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	Điều 1. Phân cấp nguồn thu	Điều 1: Phân cấp nguồn thu các khoản thuế; lệ phí môn bài **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	1) Các khoản thuế; lệ phí môn bài: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài, thuế bảo vệ môi trường:	Đề nghị bố cục, xây dựng nội dung bảo đảm diễn đạt rõ ràng, sử dụng từ ngữ chính xác, thống nhất **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	i	

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn tham gia của nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn nhà nước do Cục thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế. Không bao gồm nguồn thu thuế giá trị gia tăng vãng lai trích nộp 2% từ các công trình, dự án xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước cấp huyện.	Đối với các doanh nghiệp có hoạt động khai thác khoáng sản diễn ra trên địa bàn các huyện thì đề nghị trích 20% thuế tài nguyên và 20% phí bảo vệ môi trường nhằm tạo điều kiện cho địa phương có khoản thu ngân sách, chủ động trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, vì hoạt động khai thác khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường, đường sá rất lớn, bên cạnh đó sẽ giúp các địa phương nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn **(Huyện Đức Cơ - công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**	Giữ nguyên, không tiếp thu		x
	b) Ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện) hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế. - Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp) Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2022 đến hết năm 2025.	Đề nghị nghiên cứu lại nội dung "doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp", nội dung "doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp"; xây dựng nội dung bảo đảm chính xác **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp.	x	
	2) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	Tách thành Điều 2: Phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước. + Đề nghị chỉnh sửa nội dung "(trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng tài sản trên đất do cơ quan nhà nước Trung ương quản lý)" bảo đảm nội dung được chính xác, phù hợp với quy định tại điểm k khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước. **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	a1) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%: Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;	Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;" bảo đảm nội dung được rõ ràng, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư (theo quy định tại Luật Đầu tư công, dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước là dự án đầu tư công; theo quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư,...) **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
		Tách thành Điều 3: Phân cấp nguồn thu các lĩnh vực còn lại **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	11) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản: a) Đối với Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh. b) Đối với Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh 80%; Ngân sách cấp huyện 20%. Tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã theo bảng tổng hợp đính kèm.	+ Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đề nghị sửa nội dung "Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản" thành "giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép khai thác khoáng sản". **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tư pháp	x	
	Điều 2. Phân cấp nhiệm vụ chi	Mục 2 Phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	1) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:	Sửa thành Điều 1 **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	1.2) Chi thường xuyên:				
	g) Chi quốc phòng:	Đề nghị bổ sung thêm nội dung "Hỗ trợ ngân sách cấp huyện chi diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW cho phù hợp với quy định tại tiết c, điểm 3.6.1 Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện của dự thảo Nghị quyết" **(UBND huyện Đak Pơ - công văn số 2113/UBND-TCKH ngày 03/11/2021).**	Giữ nguyên; không tiếp thu		x
	n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	Đề nghị sửa như sau: "n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện." **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	2) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:	Sửa thành Điều 2 **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	2.2) Chi thường xuyên:				
	n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.	Đề nghị sửa như sau: "n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện." **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	3) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:	Sửa thành Điều 3 **(Sở Tư pháp - công văn số 1811/STP-XD&KTVB ngày 05/11/2021)**	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	3.2) Chi thường xuyên:				
	f) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Đề nghị sửa như sau: "f) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật; hoạt động hòa giải ở cơ sở; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật."	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	
	Chương III				
	ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN				
	Điều 4. Định mức phân bổ				

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	1) Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:				
	1.1) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:				
	b) Phân bổ bổ sung:				
	- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;	Theo như dự thảo quy định, Văn phòng Tỉnh ủy không được phân bổ thêm 50% như Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân mà chỉ được phân bổ thêm 5% trê định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể là chưa phù hợp. Do đó Văn phòng Tỉnh ủy đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế những năm qua đã thực hiện (phân bổ thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nuốc, Đảng.....)(Văn phòng Tỉnh ủy Công văn số 826-CV/VPTU ngày 08/10/2021)	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy: Theo tiết b, điểm 1.1, Khoản 1, Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh và theo điểm a, khoản 2.1, mục 2 Phần III Quy định số 384-QĐ/TU ngày 08/11/2011 của Tỉnh ủy Gia Lai: các ban Đảng tỉnh đã được hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo quy định.		x
	- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Tỉnh Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh, Ban Dân tộc khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;				
	- Các đơn vị dự toán cấp I có các đơn vị trực thuộc lớn bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo được tính bổ sung thêm 10% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao (không bao gồm biên chế của các đơn vị trực thuộc); Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được sung thêm 5% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao (không bao gồm biên chế của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị đã được phân bổ bổ sung 20% nêu trên, 50% nêu trên);				
	3) Định mức phân bổ chi ngân sách cho huyện, thị xã, thành phố:	Qua nghiên cứu định mức phân bổ giai đoạn 2017-2020 so với với giai đoạn 2011-2015. Cơ bản các định mức đều tăng từ 1,2 đến 1,5 lần giữa giai đoạn mới và giai đoạn cũ. - Qua nghiên cứu định mức phân bổ giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 và định mức phân bổ giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 46/2016/QĐ - TTg. Cơ bản các định mức đều tăng tối thiểu 1,4 lần. - Qua nghiên cứu dự thảo định mức phân bổ 2022-2025 mà Sở Tài chính dự kiến tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh còn thấp. Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện đề nghị Sở Tài chính cân đối tăng mức phân bổ **(UBND huyện Krông Pa – công văn số 1611/UBND-TH ngày 05/111/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện đề nghị Sở Tài chính xem xét xây dựng mức tăng giữa giai đoạn 2022-2025 tương ứng với mức tăng của Trung ương phân bổ cho tỉnh và phù hợp với mức tăng giữa giai đoạn 2017-2020 so với với giai đoạn 2011-2015 **(UBND huyện Phú Thiện – công văn số 2003UBND-TH ngày 09/11/2021)**			

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	3.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: a) Phân bổ theo tiêu chí chính: - Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao - Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2021-2022 của cấp có thẩm quyền). b) Phân bổ theo dân số: - Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi. Vùng đô thị- Hệ số : 1 Định mức: 769.450 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1.15 Định mức: 884.860 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.3 Định mức: 1.000.280 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.70 Định mức: 1.308.060 đồng/người dân/năm - Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi). Vùng đô thị- Hệ số : 1; Định mức: 26.220 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1.15; Định mức: 30.150 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.3; Định mức: 34.090 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.70; Định mức: 44.570 đồng/người dân/năm	Đề xuất Sở Tài chính xây dựng tăng định mức phân bổ cho giáo dục vì theo dự thảo định mức quá thấp, không đảm bảo để nâng cao chất lượng giáo dục khi áp dụng Luật giáo dục năm 2019, dạy học 02 buổi /ngày, nhu cầu bổ sung cơ sở vật chất Chương trình giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 **(UBND huyện Ia Grai – công văn số 2009/UBND ngày 10/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		Do tăng mức lương cơ bản hàng năm nên quỹ lương dự toán năm 2022 tăng 29% so với quỹ lương dự toán năm 2017. Để đạt được cơ cấu chi 80%-20% thì chi khác phải tăng tương ứng là 29% nhưng theo dự thảo chỉ tăng lên 5,58% là không đảm bảo **(UBND huyện Phú Thiện – công văn số 2003UBND-TH ngày 09/11/2021)**			
		Dự thảo nghị quyết xây dựng định mức phân bổ theo dân số là thấp (tăng thêm 5,4% so với giai đoạn 2017-2020), chưa đảm bảo các nhiệm vụ theo Kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, kế hoạch dạy học 02 buổi /ngày cấp tiểu học giao đoạn 2020-2025, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025, kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021).**			
		Đề xuất Sở Tài chính xây dựng tăng định mức phân bổ cho giáo dục vì theo dự thảo định mức quá thấp, không đảm bảo để nâng cao chất lượng giáo dục ….**(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**			
	3.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:	Định mức dự thảo quá thấp so với nhu cầu, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong năm. Do vậy đề xuất phân bổ không thấp hơn định mức Trung ương giao. **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
	3.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:				
	3.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:				
	3.5) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội: a) Phân bổ theo dân số: Vùng đô thị- Hệ số : 1; Định mức:12.220 đồng/người dân/năm	Nếu tính theo định mức phân bổ theo tiêu chí dân số, huyện Đức Cơ có 1,3 tỷ để đảm bảo chi công tác đảm bảo xã hội, định mức phân bổ cho dân số còn thấp, do vậy đề xuất tăng định mức phân bổ kinh phí tăng lên ít nhất 1,4 lần so với định mức thời kỳ 2017-2020 để chủ động kinh phí thăm hỏi giai đình chính sách **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	Vùng còn lại- Hệ số : 1.2; Định mức:14.660 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.4; Định mức:17.110 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.9; Định mức: 23.220 đồng/người dân/năm	Đề nghị tăng mức phân bổ theo dân số để đảm bảo các nhiệm vụ chi **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		Bổ sung nội dung tại điểm c, hằng năm bổ sung kinh phí chi Mai táng phí cho các đối tượng theo quy định **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
	3.6) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh: a) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện: * Chi quốc phòng Vùng đô thị- Hệ số : 1; Định mức: 19.280 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1; Định mức: 19.280 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.5 ;Định mức: 28.920 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.7 ; Định mức: 32.770 đồng/người dân/năm * Chi an ninh Vùng đô thị- Hệ số : 1.25; Định mức: 7.950 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1; Định mức: 6.360 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.5 ;Định mức: 9.540 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.7 ; Định mức: 10.810 đồng/người dân/năm b. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp xã: * Chi quốc phòng Vùng đô thị- Hệ số : 1; Định mức: 19.280 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1; Định mức: 19.280 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.5 ;Định mức: 28.920 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.7 ; Định mức: 32.770 đồng/người dân/năm * Chi an ninh Vùng đô thị- Hệ số : 1.25; Định mức: 7.950 đồng/người dân/năm Vùng còn lại- Hệ số : 1; Định mức: 6.360 đồng/người dân/năm Vùng khó khăn- Hệ số : 1.5 ;Định mức: 9.540 đồng/người dân/năm Vùng ĐBKK- Hệ số : 1.7 ; Định mức: 10.810 đồng/người dân/năm	Dự thảo định mức chi Quốc phòng, an ninh không đảm bảo đủ kinh phí thực hiện công tác Quốc phòng, an ninh tại địa phương theo phân cấp ngân sách. Đề nghị Sở Tài chính tính toán đảm bảo đủ kinh phí thực hiện công tác Quốc phòng, an ninh tại địa phương theo phân cấp ngân sách và thực hiện Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh về việc tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020 **(UBND huyện Phú Thiện – công văn số 2003UBND-TH ngày 09/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		Nếu theo định mức phân bổ theo dự thảo thì sẽ không đảm bảo các nhiệm vụ chi tối thiểu của địa phương. Do vậy đề xuất tăng ít nhất 1,4 lần so với thời kỳ ổn định 2017-2020 để đảm bảo các nhiệm vụ chi tối thiểu của địa phương. **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**			
		Đề xuất tăng định mức phân bổ chi quốc phòng theo tiêu chí dân số lên 1,4 lần so với dự thảo để đảm bảo các nhiệm vụ chi quốc phòng của cấp huyện, cấp xã. Thực hiện Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh về việc tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020 **(UBND huyện Ia Grai – công văn số 2009/UBND ngày 10/11/2021)**			
		Mức phân bổ như dự thảo là quá thấp, cấp huyện, cấp xã sẽ không đảm bảo nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021)**			
	3.7) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:				
	b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:				

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	-Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); xã, phường, thị trấn (cấp xã): +Cấp huyện: 2.300 triệu đồng/huyện/năm +Cấp xã: 1.000 triệu đồng/xã/năm.	- Đề nghị điều chỉnh lên mức 1.200 trđ/xã/năm để đảm bảo chi hoạt động của HĐND cấp xã theo NQ89 hoặc phân bổ thêm 1 tiêu chí hỗ trợ hoạt động của ĐB HĐND cấp xã **(UBND huyện Krông Pa – công văn số 1611/UBND ngày 05/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo lần 2 (cấp huyện: 2.500 trđ/huyện/năm; cấp xã 1.200 trđ/xã/năm) đồng thời tăng ít nhất 1,4 lần so với giai đoạn 2017-2020 **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**			
		- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo lần 2 (cấp huyện: 2.500 trđ/huyện/năm; cấp xã 1.200 trđ/xã/năm) **(UBND huyện Ia Grai – công văn số 2009/UBND ngày 10/11/2021)**			
		- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo lần 2 (cấp huyện: 2.500 trđ/huyện/năm; cấp xã 1.200 trđ/xã/năm) Hỗ trợ thêm kinh phí chi theo Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của tỉnh Gia Lai **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021; (UBND huyện Phú Thiện - Công văn số 2003/UBND-TH ngày 09/11/2021)**			
	Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí trang phục, hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo Nghị quyết số 109/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã; Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW; Hỗ trợ kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 856-QĐ/TU ngày 03/01/2018 của Tỉnh ủy.	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo lần 2 kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 856-QĐ/TU ngày 03/01/2018 của Tỉnh ủy: 500 trđ **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		- Đề nghị hỗ trợ thêm cho các huyện, xã kinh phí chi theo Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của tỉnh Gia Lai: cấp huyện: 500 triệu đồng/ năm, cấp xã: 100 triệu đồng/năm **(UBND huyện Ia Grai – công văn số 2009/UBND ngày 10/11/2021)**			
		Đề nghị mức phân bổ giai đoạn 2022-2025: 580 triệu -600 triệu đồng/năm. Đồng thời bổ sung thêm kinh phí hoạt động của HĐND huyện theo Nghị quyết 89, ngoài phụ cấp hàng tháng, mỗi năm huyện phải chi khoảng 1,5 tỷ đồng mới đảm bảo **(UBND huyện Krông Pa – công văn số 1611/UBND ngày 05/11/2021)**			
		- Đề nghị hỗ trợ thêm kinh phí chi theo Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của tỉnh Gia Lai **(UBND huyện Đak Pơ – công văn số 2112/UBND ngày03/11/2021; (UBND huyện Phú Thiện - Công văn số 2003/UBND-TH ngày 09/11/2021)**			
	3.8) Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế: b) Phân bổ theo loại đô thị: - Đô thị loại I: 140.000 trđ/đô thị; - Đô thị loại II: 85.000 trđ/đô thị; - Đô thị loại III: 24.000 trđ/đô thị; - Đô thị loại IV: 17.000 trđ/đô thị; - Đô thị loại V: 8.500 trđ/đô thị;	Dự thảo Nghị quyết xây dựng mức phân bổ cho đô thị loại V 8.500 triệu đồng/năm là quá thấp Đề nghị nâng lên mức 12.000 triệu đồng/đô thị loại V (bằng 70% đô thị loại IV và bằng mức chênh lệch 70% giữa đô thị loại IV và đô thị loại III). **(UBND huyện Đak Pơ - công văn số 2112/UBND-TCKH ngày 03/11/2021)**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
		Đề nghị quan tâm nâng mức phân bổ kinh tế cho huyện Đức Cơ (là huyện miền núi biên giới) để huyện thực hiện đầu tư các công trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng của huyện **(UBND huyện Đức Cơ – công văn số 2453/UBND ngày 09/11/2021)**			

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết lần 3	Ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, địa phương	Ý kiến giải trình, tiếp thu của sở tài chính	Tiếp thu	Không tiếp thu
	3.12) Phân bổ bổ sung:				
	a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2021 thấp được phân bổ thêm:				
	Dưới 65.000 dân: phân bổ thêm 6% số chi tính theo định mức dân số. Từ 65.001 đến dưới 85.000 dân: phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số.	Đề nghị xem xét hỗ trợ thêm cho địa phương có dân số thấp như huyện Đak Pơ với mức 2.000 triệu đồng/năm- **UBND huyện Đăk Pơ**	Giữ nguyên; không tiếp thu do khả năng cân đối ngân sách không đáp ứng được.		x
	Từ 65.001 đến dưới 85.000 dân: phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số.				
	Điều 5 Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh	Bổ sung thêm nội dung " Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy định này được sử đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới	Tiếp thu ý kiến tham gia của Sở tư pháp	x	

DỰ THẢO

BẢNG SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI , NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN THỜI KỲ 2022-2025

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	Chương I **PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**	
Phạm vi điều chỉnh	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**	
Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.	Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
Đối tượng áp dụng	**Điều 2. Đối tượng áp dụng**	
a) Sở, ban ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là các Sở, cơ quan tỉnh và các địa phương).	1. Sở ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn;	
b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.	2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên NSNN.	
Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020:	**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025**	
a) Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 là cơ sở để xây dựng dự toán thu - chi ngân sách của từng Sở, cơ quan tỉnh và của từng địa phương (bao gồm cấp huyện và cấp xã).	1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi	
	- Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ quan trọng của địa phương; bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.	
	- Ngân sách cấp huyện, cấp xã được phân cấp nguồn thu để chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên trừ các nguồn thu không ổn định hàng năm; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, khai thác, chống thất thu ngân sách tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.	
b) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng và nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình).	2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
c) Tổng dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương và dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ, sự nghiệp bảo vệ môi trường được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quy định này và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	a. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới.	
	b. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.	
	c. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.	
	d. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.	
	đ. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.	
	e. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài;	
	f. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm tcho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.i với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực	
	g. Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước *(không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất)* và dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	h. Quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác tại Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ; huyện, thị xã, thành phố phân bổ không được thấp hơn mức tỉnh phân bổ cho địa phương, đồng thời gửi Ủy ban ncho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện	
Chương I	Chương II	
	PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
	Mục 1	
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
Điều 1. Phân cấp nguồn thu	Điều 1. Phân cấp nguồn thu các khoản thuế; lệ phí môn bài	
1) Các khoản thuế; lệ phí môn bài: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thủ từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài:		
a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn tham gia của nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn tham gia nhà nước do Cục thuế tỉnh thu.	1. Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% các khoản thu gồm:	Rõ ràng, thống nhất cách hiểu; khuyến khích, tăng cường trách nhiệm của các địa phương về quản lý thuế.
	Thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn nhà nước do Cục thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế.	
	Khoản thu quy định tại điểm này không bao gồm nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)	
b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách huyện) hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế thu.	2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện) hưởng 100% gồm:	Rõ ràng, thống nhất cách hiểu; khuyến khích, tăng cường trách nhiệm của các địa phương về quản lý thuế.
	Thu từ doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế. - Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)	
Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn tham gia nhà nước, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2017 đến hết năm 2020.	Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2022 đến hết năm 2025.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
2) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	**Điều 2. Phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước**	
	1) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng tài sản trên đất do cơ quan nhà nước Trung ương quản lý) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	
a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do UBND tỉnh quyết định; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do tỉnh quản lý thu.	a) Ngân sách tỉnh: a1) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách huyện hưởng 10%: Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; a2) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền của các tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế.	- Xin ý kiến cấp có thẩm quyền: điều chỉnh lại Điều 4 Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thông qua hình thức điều tiết khoản thu thay vì bổ sung ngân sách có mục tiêu xuống huyện theo tiến độ thu. Để đơn vị chủ động trong quá trình sử dụng ngân sách thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi về tiền sử dụng đất của từng cấp ngân sách trong quá trình lập dự toán và chấp hành và quyết toán ngân sách.
b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Dự án do ngân sách huyện đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu.	b) Ngân sách huyện: b1) Ngân sách huyện hưởng 90%, ngân sách cấp tỉnh hưởng 10% (để thực hiện dự án do đạc): Dự án do nngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định; b2) Ngân sách huyện hưởng 100%: tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền của các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế.	- Xin ý kiến cấp có thẩm quyền: điều chỉnh lại Điều 4 Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND tỉnh. Lý do: điều chỉnh bằng hình thức điều tiết các khoản thu tiền sử dụng đất chứ không bằng hình thức NS huyện chi nộp lên NS tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc. Để tỉnh chủ động trong việc chi cho dự án đo đạc không chờ huyện nộp lên tỉnh và thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi về tiền sử dụng đất của từng cấp ngân sách trong quá trình lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách.
3) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:	2) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:	Giữ nguyên
a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.	a) Ngân sách tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.	
b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã	b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.	
4) Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông:	**Điều 3. Phân cấp nguồn thu của các lĩnh vực còn lại** 1) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (kể cả thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông):	
a) Công an tỉnh, Công an huyện, thị xã, thành phố và cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh xử lý: ngân sách Trung ương 100%.		
b) Thanh tra giao thông tỉnh xử lý: Ngân sách cấp tỉnh 100%.	a) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh xử lý: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	
c) Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý: Ngân sách cấp huyện 100%.	b) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện xử lý: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.	
d) Công an xã và các lực lượng cấp xã xử lý: ngân sách xã 100%.	c) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp xã xử lý: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
5) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu tiền bán cây đứng; các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	2) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu tiền bán cây đứng; các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Giữ nguyên
6) Thuế bảo vệ môi trường (phí xăng dầu):		
a) Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu nhập khẩu: ngân sách trung ương 100%.		
b) Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước: ngân sách cấp tỉnh 100%.		
7) Thu sự nghiệp; thu phí và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; thu tiền cho thuê quầy bán hàng; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:	3) Thu sự nghiệp; thu phí và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; thu tiền cho thuê quầy bán hàng; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:	Theo quy định của Luật NSNN năm 2015- Giữ nguyên
a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.	a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.	
b) Ngân sách huyện 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.	b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.	
	c) Riêng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	Đầy đủ nội dung hơn
8) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện:		
a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh xử lý.		
b) Ngân sách huyện 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã (kể cả hạt kiểm lâm) xử lý.		
9) Lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: ngân sách huyện hưởng 100%.	4) Lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: ngân sách huyện hưởng 100%.	
10) Thu kết dư ngân sách địa phương:	5) Thu kết dư ngân sách địa phương:	
a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.	a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.	
b) Ngân sách huyện 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.	b) Ngân sách huyện hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.	
11) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:	6) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:	
a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: thu từ ngân sách trung ương bổ sung.	a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: thu từ ngân sách trung ương bổ sung.	
b) Ngân sách cấp huyện 100%: thu từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung.	b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung.	
c) Ngân sách cấp xã 100%: thu từ ngân sách cấp huyện bổ sung.	c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp huyện bổ sung.	
12) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang:	7) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.	a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.	
b) Ngân sách cấp huyện 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.	b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.	
c) Ngân sách cấp xã 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.	c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.	
13) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:	8) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản:	
a) Đối với Giấy phép do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh.	a) Đối với Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép khai thác khoáng sản do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh.	
b) Đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	b) Đối với Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh 70%; Ngân sách cấp huyện 30%.	Khuyến kích, tăng cường trách nhiệm của các địa phương về quản lý thuế (Dự toán thu NSNN năm 2021: Pleiku, Chư Pah, Kôngchro và Ia Pa tổng số giao là 5.520 trđ)
14) Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	9. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.	
Tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã theo bảng tổng hợp đính kèm.	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.	Theo đăng ký của các huyện, thị xã, thành phố
Điều 2. Phân cấp nhiệm vụ chi:	Mục 2 PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
1) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:	Điều 1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh	
1.1) Chi đầu tư phát triển:	1) Chi đầu tư phát triển:	
a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.	a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.	
b) Đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.	b) Đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.	
c) Bù lỗ cho các hoạt động công ích; cấp vốn điều lệ và hỗ trợ các Quỹ hỗ trợ đầu tư, trích lập quỹ phát triển đất; hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến thương mại của địa phương.	c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; cấp vốn điều lệ và hỗ trợ các Quỹ hỗ trợ đầu tư, trích lập quỹ phát triển đất; hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, thương mại của địa phương.	
d) Hỗ trợ các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, chi thưởng cho các tổ chức kinh tế có thành tích thực hiện tốt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đóng góp nguồn thu v.v... được địa phương khuyến khích.	d) Hỗ trợ các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, chi khen thưởng cho các tổ chức kinh tế có thành tích thực hiện tốt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đóng góp nguồn thu v.v... được địa phương khuyến khích.	
	d) Hỗ trợ ngân sách đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng ngân sách cấp tỉnh.	
đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.	e) Hỗ trợ xây dựng Cơ sở Huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh; xây dựng Chốt chiến đấu Dân quân thường trực trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	
	f) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.	
1.2) Chi thường xuyên:	2) Chi thường xuyên:	
a) Chi hoạt động kinh tế:	a) Chi hoạt động kinh tế:	
- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý; hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;	- Lĩnh vực giao thông: duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới đất liền, biển cảnh báo biên giới, công trình bảo vệ cột mốc biên giới thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện); hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;	
- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi: hoạt động của các trung tâm, trạm, trại nông nghiệp do tỉnh quản lý; hoạt động bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông; hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi cấp bù miễn thu thủy lợi phí; chi các dự án nông nghiệp; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi;	- Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: hoạt động của các trung tâm; hoạt động bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông; hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chi các dự án nông nghiệp; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi;	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND. Đồng thời, bỏ nội dung "trạm, trại nông nghiệp do tỉnh quản lý" và điều chỉnh nội dung "chi cấp bù miễn thu thủy lợi phí" thành "chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi"

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Sự nghiệp lâm nghiệp: hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hoạt động khuyến lâm; chống khai thác, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép;	- Lĩnh vực lâm nghiệp: hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hoạt động khuyến lâm; chống khai thác, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép;	
- Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; qui hoạch phát triển ngành; qui hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị do tỉnh quản lý;	- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành;	Theo Luật Quy hoạch thì sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện
- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, chi cho Văn phòng Đăng ký đất đai, các hoạt động sự nghiệp tài nguyên và môi trường, Sự nghiệp thông tin và truyền thông; hoạt động du lịch.	- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường, Sự nghiệp thông tin và truyền thông; hoạt động du lịch;	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và bỏ nội dung "chi cho Văn phòng Đăng ký đất đai"
- Chi các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, khuyến khích hỗ trợ đầu tư khuyến công;	- Chi các hoạt động xúc tiến đầu tư, công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại, khuyến công, khuyến khích hỗ trợ đầu tư khuyến công;	
- Điều tra cơ bản và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.	- Điều tra cơ bản và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.	
b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:	b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:	
- Điều tra cơ bản, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường; hoạt động quan trắc môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;	- Điều tra cơ bản, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường; hoạt động quan trắc môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;	
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;	- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;	
- Hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên; rừng quốc gia thuộc tỉnh quản lý;	- Hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên; rừng quốc gia thuộc tỉnh quản lý;	
	- Phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường;	
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.	- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.	
c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	
- Giáo dục trung học phổ thông (kể cả dân tộc nội trú, bổ túc văn hóa);	- Giáo dục trung học phổ thông (kể cả dân tộc nội trú, bổ túc văn hóa);	
- Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;	- Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;	
- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp tỉnh; tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;	- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp tỉnh; tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp tỉnh quản lý;	- Kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; kinh phí thực hiện quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGTDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31tháng 12năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng10 năm 2015 của Thủ cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.i với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ c	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ
- Hỗ trợ giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sách giáo khoa, đồ dùng dạy học, vở học sinh...)		Theo phân cấp ngân sách thì giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do cấp huyện quản lý
- Hỗ trợ cán bộ công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp tỉnh;	- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.	
	- Công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt học tại Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991;	Trường Quân sự địa phương đã giải thể theo Quyết định 5765/QĐ-BQP ngày 06/12/2019 của Bộ Quốc phòng V/v giải thể trường Quân sự thuộc BCH Quân sự tỉnh Gia Lai, Quân khu 5 và chuyển giao con người, nhiệm vụ về Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991 thuộc Trung đoàn bộ binh 991
	- Kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố	
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật	- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.	
đ) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	đ) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	
- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác tại các bệnh viện và các cơ sở y tế cấp tỉnh (kể cả bệnh viện đa khoa khu vực thị xã An Khê, thị xã AyunPa, Bệnh viện huyện, thành phố, Trạm y tế trung tâm, Trạm y tế xã, Ban y tế dự phòng huyện, thị xã, thành phố)	- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác tại cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện (Bệnh viện tuyến tỉnh, dự phòng tuyến tỉnh; bệnh viện tuyến huyện, Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố);	- Bỏ nội dung "bệnh viện đa khoa khu vực thị xã An Khê, thị xã AyunPa" do đã sáp nhập vào Trung tâm y tế thị xã An Khê và Trung tâm Y tế thị xã AyunPa - Bổ sung nội dung "Ban Dân số" do các huyện quản lý nay đã sáp nhập vào các Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố; Chuyển nhiệm vụ từ NS cấp huyện về NS cấp tỉnh.
- Mua thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.	- Mua thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.	- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:	đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:	Giữ nguyên
Sau khi bố trí các đề tài khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trường hợp còn lại được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nhiệm vụ chi khoa học và công nghệ.	- Chi các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.	
	- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ khác theo quy định của pháp luật.	
e) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông, phát thanh truyền hình.	e) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình.	Giữ nguyên
f) Chi đảm bảo xã hội:	f) Chi đảm bảo xã hội:	
- Hoạt động của các trung tâm, trại xã hội thuộc tỉnh quản lý;	- Hoạt động của các trung tâm, trại xã hội thuộc tỉnh quản lý;	
- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ của các đối tượng do tỉnh quản lý;	- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do tỉnh quản lý;	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ
- Hỗ trợ, cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách cho đồng bào dân tộc, người nghèo và các đối tượng theo qui định;		
	- Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữa thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;	
- Hỗ trợ đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc, người nghèo, người bị nhiễm chất độc hoá học; cứu đói, cứu trợ xã hội đột xuất;	- Hỗ trợ đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người bị nhiễm chất độc hóa học; cứu đói, cứu trợ xã hội đột xuất;	
- Khắc phục thiên tai trên diện rộng, vượt quá khả năng của ngân sách huyện;	- Khắc phục thiên tai trên diện rộng, vượt quá khả năng của Ngân sách cấp huyện;	
- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.	- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.	
g) Chi quốc phòng: - Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp tỉnh tổ chức;	g) Chi quốc phòng: - Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp tỉnh tổ chức;	
- Thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh;	- Thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh;	
- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; đào tạo cán bộ quân sự địa phương; huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng khác do cấp tỉnh tổ chức;	- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; đào tạo cán bộ quân sự địa phương; huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng khác do cấp tỉnh tổ chức;	
- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp tỉnh thực hiện;	- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp tỉnh thực hiện;	
	- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp tỉnh;	Theo quy định tại Điều 34 Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội
	- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp tỉnh thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025;	
	- Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn theo quy định tại Quyết định 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	
	- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	
- Công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức học tại Trường Quân sự tỉnh;		Trường Quân sự địa phương đã giải thể theo Quyết định 5765/QĐ-BQP ngày 06/12/2019 của Bộ Quốc phòng V/v giải thể trường Quân sự thuộc BCH Quân sự tỉnh Gia Lai, Quân khu 5 và chuyển giao con người, nhiệm vụ về Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991 thuộc Trung đoàn bộ binh 991
- Mua sắm trang phục của cán bộ, chiến sĩ dân quân nòng cốt theo quy định của pháp luật; mua sắm công cụ hỗ trợ, vật chất huấn luyện, phương tiện thiết yếu cho dân quân tự vệ trong toàn tỉnh.		
	- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do cơ quan quân sự, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác thuộc cấp tỉnh thực hiện;	
- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của các cơ quan quân sự cấp tỉnh, trường Quân sự tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;	- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhiệm vụ đột xuất về quốc phòng theo quy định khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;	Trường Quân sự địa phương đã giải thể theo Quyết định 5765/QĐ-BQP ngày 06/12/2019 của Bộ Quốc phòng V/v giải thể trường Quân sự thuộc BCH Quân sự tỉnh Gia Lai, Quân khu 5 và chuyển giao con người, nhiệm vụ về Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991 thuộc Trung đoàn bộ binh 991
- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhiệm vụ đột xuất về quốc phòng theo quy định khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.		
- Hỗ trợ mua sắm, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh.	- Diễn tập và hội thao quốc phòng theo Kế hoạch của tỉnh do cơ quan quân sự cấp tỉnh thực hiện;	
	- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	
- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.	- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;	
h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	
- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp tỉnh thực hiện;	- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp tỉnh thực hiện;	
- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt;	- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật;	Căn cứ điểm 2.2, Điều 11 NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
- Quản lý việc đi lại, cư trú của người nước ngoài ở địa phương;	- Quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương;	Ghi lại theo đúng câu từ của NĐ 165/2016/NĐ-CP
- Phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma tuý do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	- Phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	Giữ nguyên
- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;	
- Công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện;	- Công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Thực hiện công tác quản lý phân giới, bảo vệ biên giới;	- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và quản lý bảo vệ biên giới;	Theo quy định NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ không quy định nhiệm vụ "phân giới" đối với lĩnh vực an ninh
- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.	- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;	
- Hỗ trợ xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;	- Hỗ trợ cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;	Theo quy định NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
- Trang phục cho lực lượng Công an xã, thị trấn; trang phục cho bảo vệ dân phố theo chế độ quy định.	- Trang phục cho lực lượng Công an xã, thị trấn; trang phục cho bảo vệ dân phố theo chế độ quy định;	Giữ nguyên
	- Công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng;	Theo quy định NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
	- Công tác lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng bắt buộc, chi hoạt động tạm giữ hành chính người và tài sản;	
	- Chi đền bù và trợ cấp đối với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản theo quy định của pháp luật;	
	- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp Tỉnh thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;	
	- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;	
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	
i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.	i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.	Giữ nguyên
k) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.	k) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.	
l) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	l) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	
m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp tỉnh.	m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp tỉnh.	
n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.	
o) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện.	o) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện.	
p) Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và xuất bản báo Gia Lai.	p) Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và hỗ trợ kinh phí xuất bản báo Gia Lai.	
q) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.	q) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
r) Bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.	r) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.	
s) Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách năm sau.	s) Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách năm sau.	
t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại theo phân cấp của Chính phủ.	t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác quốc tế.	
u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính	u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính; chi thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai".	
x) Thực hiện vốn đối ứng theo quy định của pháp luật.	x) Thực hiện vốn đối ứng theo quy định của pháp luật.	
v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	
2) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:	Điều 2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện	
2.1) Chi đầu tư phát triển:	1) Chi đầu tư phát triển:	
a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình đã được phân cấp chi cho ngân sách xã):	a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy định này):	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách tỉnh đầu tư);	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách cấp tỉnh đầu tư);	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở;	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới);	
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt của Công an xã theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	Theo quy định NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
	- Hỗ trợ xây dựng trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện;	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện, thị xã, thành phố;	
- Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn đường giao thông, đường điện, công trình thuỷ lợi theo phân cấp quản lý;	- Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn đường giao thông, đường điện, công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý;	
- Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	- Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh;	
	- Đầu tư xây dựng thao trường bắn của huyện, thị xã, thành phố;	
	- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, ..., kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;	
	- Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11năm 2014 của Ban bí thư TW đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.	
b) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh;	b) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.	
c) Đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ phát triển đất	c) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ Phát triển đất; cho hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.	
d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.	d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.	
2.2) Chi thường xuyên:	2) Chi thường xuyên:	
a) Chi hoạt động kinh tế:	a) Chi hoạt động kinh tế:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thuỷ lợi, chi cấp bù miễn thủy lợi phí, công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi.	- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa ; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả;	
- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ), bến xe do cấp huyện, xã quản lý;	- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ), bến xe do cấp huyện, cấp xã quản lý;	
- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;	- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;	
- Quy hoạch tổng thể, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết (kể cả điều chỉnh quy hoạch chi tiết) cấp huyện, cấp xã;	- Lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cấp huyện quản lý;	
- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;	- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;	
- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.	- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.	
b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:	b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:	
- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng;	- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng;	
- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;	- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;	
- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;	- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;	
-Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;	-Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;	
	- Quản lý công trình vệ sinh công cộng; Trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng; Phương tiện tưới nước cây xanh, thảm cỏ đô thị.	
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.	- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.	
c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	
- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hóa);	- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hóa);	
- Công tác xoá mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;	- Công tác xóa mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;	
- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;	- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;	
- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, buôn, làng, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;	- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4,5 tuổi; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo – Lao động Thương binh & Xã hội – Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học ; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặcho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.g 7,15% so với định mức năm 2017. đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các trường do cấp huyện quản lý;	
- Hỗ trợ cán bộ công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp huyện, xã.		
- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.	- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.	
d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:		
- Hoạt động dân số và kế hoạch hóa gia đình; công tác viên dân số;		Đã chuyển về tỉnh
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.		Đã chuyển về tỉnh, hiện tại cấp huyện chi chi cho y tế thôn bản.
đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.	đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ)	
e) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cồng chiêng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý;	d) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cồng chiêng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.	Giữ nguyên
f) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.	e) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
g) Chi đảm bảo xã hội:	f) Chi đảm bảo xã hội:	Giữ nguyên
- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;	- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;	
- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ của các đối tượng do huyện quản lý;	- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do huyện quản lý;	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.		
- Cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất;	- Cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất;	
- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;	- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;	
- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);	- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);	
- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.	- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.	
h) Chi quốc phòng:	g) Chi quốc phòng:	
- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức;	- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức;	
- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên;	- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;	Theo quy định tại Điều 34 Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội
	- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025.	
- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;	- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;	
- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;	- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;	
- Đảm bảo công tác phòng không nhân dân;	- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ (bao gồm kinh phí đảm bảo vật chất hậu cần cho dân quân thường trực theo quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ),, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.	- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;	
- Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở và xã biên giới;	- Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở và xã biên giới;	
- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của các cơ quan quân sự cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh cho cơ quan quân sự, các đồn Biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác của huyện, thị xã, thành phố.	
	- Diễn tập và hội thao quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện	
	- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp huyện thực hiện.	
- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới").	- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");	
- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.	- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.	
i) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);	- Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);	
- Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma tuý do cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;	
- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;	- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;	Ghi lại theo đúng câu từ của NĐ 165/2016/NĐ-CP
- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.	- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;	Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng CP thay thế QĐ số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và QĐ số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ
- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở và xã biên giới;	- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở và xã biên giới;	
	- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã.	Theo quy định NĐ 01/2020/NĐ-CP sửa đổi khoản 2.2, Điều 12 của NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
- Hỗ trợ xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	Theo quy định NĐ 01/2020/NĐ-CP sửa đổi khoản 2.2, Điều 12 của NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
	- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp huyện thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Theo khoản 2.12, Điều 11 của NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
	- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;	Theo khoản 2.3, Điều 12 của NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	
k) Hoạt động của hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố.	i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố.	Giữ nguyên
l) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.	k) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.	
m) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố.	l) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố.	
n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.	m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.	
o) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.	n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.	
p) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.	o) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
q) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).	p) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).	
r) Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.	q) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.	
s) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.	r) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.	
t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.	s) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.	
u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính	t) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.	
v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	u) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	
3) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:	Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:	Giữ nguyên
3.1) Chi đầu tư phát triển:	1) Chi đầu tư phát triển:	
a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý :	a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi cộng cộng do cấp xã quản lý;	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý;	
- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do UBND cấp huyện quyết định phù hợp với khả năng quản lý của từng xã;	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với khả năng quản lý của từng xã; Quy hoạch để đảm bảo theo quy định tại Luật Quy hoạch;	
	- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp.	
b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.	b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.	
3.2) Chi thường xuyên:	2) Chi thường xuyên:	
a) Hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã.	a) Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.	
b) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.	b) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.	
c) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.	c) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.	
d) Chế độ tiền lương, phụ cấp và kinh phí hoạt động của cán bộ thôn, buôn, làng, tổ dân phố, già làng, trưởng bản theo qui định của trung ương và địa phương.	d) Chế độ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo qui định của trung ương và địa phương.	
đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi cộng cộng do xã quản lý.	đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.	
e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.	e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.	
f) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải ở cơ sở.	f) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật; hoạt động hòa giải ở cơ sở; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	
g) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xoá mù chữ và phổ cập giáo dục...).	g) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục...).	
h) Đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.	h) Đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
i) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.	i) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng, tổ dân phố. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.	
k) Hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.	k) Hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.	
l) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.	l) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.	
m) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:	m) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:	
- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;	- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;	
- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.	- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;	
- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;	- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;	
- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;	- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;	
- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới").	- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");	
	- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã;	Theo quy định tại Điều 34 Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội
- Chi quốc phòng và dân quân tự vệ khác theo quy định của pháp luật.	- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo quy định của pháp luật.	
n) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	n) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	
- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã (trừ Công an phường), bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;	- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã (trừ Công an phường), bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;	
- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;	- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;	
- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;	- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;	
- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;	- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;	Ghi lại theo đúng câu từ của NĐ 165/2016/NĐ-CP
	- Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã, phường, thị trấn;	Theo quy định tại khoản 2.13, Điều 12 của NĐ 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.	
o) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.	o) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn	
p) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).	p) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
q) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.	q) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.	
r) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.	r) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.	
s) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.	s) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.	
t) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	t) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.	
Chương II	Chương III	
ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHI NGÂN SÁCH	ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN	
Điều 3. Những quy định chung	Điều 4. Tiêu chí phân bổ	
1) Về tiêu chí phân bổ:	Về tiêu chí phân bổ:	
- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: chọn qui mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách. Cụ thể:	- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: chọn qui mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách. Cụ thể:	
+ Đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề: chọn tiêu chí số lớp;	+ Đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề: chọn tiêu chí số lớp;	
+ Đối với các cơ sở khám chữa bệnh: chọn tiêu chí số giường bệnh;		Giai đoạn 2022-2025 thực hiện hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ nên không xây dựng định mức hỗ trợ theo tiêu chí giường bệnh
+ Đối với các đơn vị quản lý hành chính: chọn tiêu chí biên chế.	+ Đối với các đơn vị quản lý hành chính: chọn tiêu chí biên chế.	
- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố) thực hiện đúng theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ để giảm mức hỗ trợ từ NSNN.	- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công;	Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/8/2021 và thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
- Đối với ngân sách huyện: chọn qui mô về dân số có phân loại theo khu vực, theo độ tuổi làm tiêu chí phân bổ chi ngân sách, để các khu vực khó khăn có kinh phí đảm bảo các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước, có điều kiện phát triển, đảm bảo tính công bằng. Riêng đối với các lĩnh vực chi được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu cụ thể như: sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, quản lý hành chính được chọn tiêu chí về chỉ tiêu biên chế của cấp có thẩm quyền giao để phân bổ và phân bổ thêm tiêu chí dân số, tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (nhằm tránh sự chênh lệch về quy mô dân số giữa các huyện, thị xã, thành phố).	- Đối với Ngân sách cấp huyện, cấp xã: chọn qui mô về dân số có phân loại theo 4 vùng([1]). Ngoài ra, tùy theo các lĩnh vực chi sẽ có các tiêu chí phân bổ khác bổ sung như quỹ tiền lương; số đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; loại đô thị, số di tích lịch sử, văn hóa; xã biên giới; phân bổ hỗ trợ thêm cho huyện có dân số thấp; điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã nhiều (hoặc diện tích của địa phương rộng); hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra; bổ sung thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế cho các vùng động lực của tỉnh; đưa vào cân đối chi các chế độ, chính sách hiện hành... tạo điều kiện cho ngân sách cấp huyện và xã có kinh phí đảm bảo chi cho các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước.	
2) Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018 trở đi) đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp tỉnh như quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, sự nghiệp nghiên cứu khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng của ngân sách cấp tỉnh.		

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
3) Đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh; căn cứ khả năng của ngân sách cấp tỉnh, hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, Ủy ban nhân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ thêm cho các địa phương này một phần kinh phí để giảm bớt khó khăn cho các địa phương.		
Điều 4. Định mức phân bổ	Điều 5. Định mức phân bổ	
1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:	1) Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:	
1.1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:	1.1) Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:	
a/ Phân bổ theo biên chế:	a) Phân bổ theo biên chế:	Giữ nguyên
Từ 50 biên chế trở lên: 27 trđ/biên chế/năm	Từ 19 biên chế trở xuống: 32 trđ/biên chế/năm	Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2017-2020 tăng khoảng 7,15%, dự kiến định mức phân bổ năm 2022 mức tăng 7,15% so với định mức năm 2017, tương ứng khoản 2 trđ/biên chế/năm
Từ 30 đến dưới 50 biên chế: 28 trđ/biên chế/năm	Từ biên chế thứ 20 đến 29: 31 trđ/biên chế/năm	
Từ 20 đến dưới 30 biên chế: 29 trđ/biên chế/năm	Từ biên chế thứ 30 đến 49: 30 trđ/biên chế/năm	
Dưới 20 biên chế: 30 trđ/biên chế/năm	Từ biên chế thứ 50 trở lên: 29 trđ/biên chế/năm	
b) Phân bổ bổ sung:	b) Phân bổ bổ sung:	Dự thảo định mức phân bổ gđ 2022-2025 thêm các đơn vị được phân bổ bổ sung thêm như sau: - Ban dân tộc: bổ sung thêm 20% định mức chi QLNN, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao; - Các đơn vị dự toán cấp I có các đơn vị trực thuộc lớn bao gồm: Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Y tế, Sở Giáo dục & ĐT được tỉnh bổ sung thêm 10% trên định mức chi QLNN, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao;Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được sung thêm 5% trên định mức chi QLNN, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao
- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tỉnh bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý hành chính; các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Tỉnh Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh khi giao dự toán được tỉnh bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý hành chính.	- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc),Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tỉnh bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao;	
	- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh, Ban Dân tộc khi giao dự toán được tỉnh bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;	
	- Các đơn vị dự toán cấp I có nhiều đơn vị trực thuộc bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo được tỉnh bổ sung thêm 10% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc); Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được sung thêm 5% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị đã được phân bổ bổ sung 20% và 50% nêu trên);	
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của Khối Đảng, HĐND Tỉnh, UBND Tỉnh, UB Mặt trận TQVN Tỉnh sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của Khối Đảng thực hiện theo văn bản quy định cơ chế quản lý tài chính, một số chế độ chi đối với các cơ quan của Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, đảm bảo hợp lý, tiết kiệm phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương;	
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm;	
	- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.	
c) Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:	c) Định mức phân bổ quy định tại mục a, mục b, điểm 1.1, khoản 1, Điều 5 Quy định này bao gồm:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm (đã bao gồm các khoản: tiền làm đêm, thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...) của số biên chế được giao.	- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: tiền làm thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, vật tư văn phòng, điện nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan;	
- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, kinh phí xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin).	- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi hoạt động, kiểm tra thường xuyên của đơn vị; kinh phí thường xuyên hoạt động tiếp dân, xử lý đơn thư (trừ các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách như: các đơn vị thuộc khối Đảng tỉnh (theo Văn bản số 115-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân trên địa bàn tỉnh), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh);	
- Các khoản kinh phí mua sắm, thay thế công cụ, dụng cụ làm việc; kinh phí sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản.	- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.	
d) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:	d) Định mức phân bổ quy định tại mục a, mục b, điểm 1.1, khoản 1, Điều 5 Quy định này không bao gồm:	
- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và kinh phí nâng lương hằng năm)	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí nâng lương hằng năm);	
	- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, đoàn thể, các sở, ngành: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở;	
- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương.	- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương;	'- Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: "Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị" và theo điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 338/2016/TT-BTC cũng quy định: "Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ" '- Căn cứ tình hình thực tế hàng năm, có đơn vị xây dựng nhiều, đơn vị xây dựng ít và có đơn vị không xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đối với đơn vị xây dựng nhiều văn bản quy phạm pháp luật và chi trả theo định mức quy định đã gây ảnh hưởng đến chi thường xuyên và thu nhập tăng thêm của công chức, người làm việc tại các đơn vị.
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật.	
- Chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở làm việc. Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho CBCCVC mới được bổ sung biên chế.	- Chi mua ô tô; chi mua sắm mua sắm trang thiết bị,phương tiện làm việc cho biên chế mới tuyển;	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được UBND tỉnh phê duyệt.	- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;	Giữ nguyên

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Kinh phí mua sắm, nâng cấp, sửa chữa TSCĐ có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí được phân bổ).	- Chi mua sắm (trong tiêu chuẩn, định mức quy định), bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở làm việc, sửa chữa tài sản cố định có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí quản lý hành chính được phân bổ);	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Đơn vị có cán bộ, công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp tỉnh được hỗ trợ theo qui định của tỉnh.	- Kinh phí hỗ trợ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học;	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh.	- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh;	Giữ nguyên
- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban Quản lý, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành.	- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành;	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Các Hội thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.		
- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của các Sở, Ban, Ngành ở tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	- Các khoản chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
d) Các nội dung khác:	d) Nội dung khác:	
Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của UBND tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (kể cả biên chế dự bị và hợp đồng 68).	Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (kể cả biên chế dự bị vàNghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng vien chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập).	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
e) Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2018 - 2020), được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý hành chính điều chỉnh tăng/giảm theo khả năng ngân sách nhà nước UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm		
	1.2) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	
	Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022 - 2024
	Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	
	2) Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập	
	- Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể:	
	+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên (phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định). Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiệcho các huyện, thị xã, thành phố	
	+ Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	
	- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.	
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo quyết toán hằng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định".	
1.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông:	2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông:	
Từ 28 lớp trở lên: 39 triệu đồng/lớp/năm Từ 18 đến 27 lớp: 42 triệu đồng/lớp/năm Từ 17 lớp trở xuống: 45 triệu đồng/lớp/năm	Từ lớp thứ 17 trở xuống 48 triệu đồng/lớp/năm Từ lớp thứ 18 đến lớp thứ 27 lớp 45 triệu đồng/lớp/năm Từ lớp thứ 28 trở lên 42 triệu đồng/lớp/năm	Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2017-2020 tăng khoảng 7,15%, dự kiến định mức phân bổ năm 2022 mức tăng 7,15% so với định mức năm 2017, tương ứng khoản 3 trđ/lớp/năm
a) Định mức phân bổ nêu trên bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.	a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 1.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.	Giữ nguyên
b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:	b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 5 Quy định này không bao gồm:	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và kinh phí nâng lương hằng năm) (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay).	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí nâng lương hằng năm):	
- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.	- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.	-Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.	
	- Kinh phí hỗ trợ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo quy định tại Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;	
	- Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;	
	- Kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;	
- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	
c) Các nội dung khác:	c) Các nội dung khác:	
- Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên.	- Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 5 Quy định này.	
- Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức.	- Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 5 Quy định này.	
- Các trường có số học sinh bình quân dưới 40 học sinh/lớp (trừ các lớp học sinh dân tộc nội trú và các lớp chuyên) chỉ tính 95% định mức.	- Các trường có số học sinh bình quân dưới 40 học sinh/lớp (trừ các lớp học sinh dân tộc nội trú và các lớp chuyên) chỉ tính 95% định mức quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 5 Quy định này.	
- Số lớp được tính bình quân số học giữa số lớp đầu năm và số lớp sau khi khai giảng năm học mới.	- Số lớp được tính bình quân số học giữa số lớp đầu năm và số lớp sau khi khai giảng năm học mới.	
1.3. Định mức phân bổ chi đào tạo:	2.2) Định mức phân bổ chi đào tạo:	
Phân bổ theo số lớp đào tạo	Phân bổ theo số lớp đào tạo:	
Cao đẳng sư phạm: 470 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 353 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 115 trđ)	Cao đẳng sư phạm 123 triệu đồng/lớp/năm	
Cao đẳng Nghề: 361 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 226 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 135 trđ)	Cao đẳng Nghề 145 triệu đồng/lớp/năm	- Theo Nghị quyết 26, định mức chi thường xuyên giai đoạn 2016-2020 bao gồm quỹ lương, chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và các chi phí thường xuyên khác của đơn vị. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, trường hợp trường không tuyển sinh đủ học sinh để đảm bảo số lượng lớp thì sẽ không đủ kinh phí để chi trả tiền lương cho cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường (Ví dụ: Trường Cao đẳng sư phạm Gia Lai nhiều năm qua không tuyển sinh đủ học sinh nhưng vẫn phải đảm bảo đủ quỹ lương cho nhân viên của Trường). - Do vậy, đề xuất định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022-2205: + NSNN sẽ đảm bảo đủ quỹ tiền lương tính theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của số biên chế được cấp thẩm quyền giao để đảm bảo đủ quỹ tiền lương cho cán bộ, giảng viên, nhân viên của các Trường Cao đẳng, Cao đẳng sư phạm, Trường Chính trị. + Đối với định mức chi thường xuyên chỉ tính đối với kinh phí phục vụ công tác đào tạo, dạy học và các chi
Trung học sư phạm: 400 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 302 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 98 trđ)	Trung học sư phạm 105 triệu đồng/lớp/năm	
Trung học văn hoá nghệ thuật: 385 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 324 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 61 trđ)	Trung học văn hóa nghệ thuật 65 triệu đồng/lớp/năm	
Trung học y tế: 468 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 362 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 106 trđ)	Cao đẳng y tế 115 triệu đồng/lớp/năm	
Trung học chính trị: 574 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 477 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 97 trđ)	Trung học chính trị 105 triệu đồng/lớp/năm	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Trung học khác: 328 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 192 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 136 trđ)	Trung học khác 145 triệu đồng/lớp/năm	kinh phí phục vụ công tác đào tạo, dạy học và các chi phí thường xuyên khác của đơn vị Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2017-2020 tăng khoảng 7,15%, dự kiến định mức phân bổ năm 2022 mức tăng 7,15% so với định mức năm 2017.
Đào tạo nghề: 328 triệu đồng/lớp/năm (Trong đó, Quỹ lương: 192 trđ; chi thường xuyên phục vụ công tác đào tạo, dạy học và chi khác: 136 trđ)	Đào tạo nghề 145 triệu đồng/lớp/năm	
a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và toàn bộ hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị.	a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí đảm bảo hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, các chi phí hoạt động thường xuyên khác (kể cả chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị).	Định mức chi bao gồm kinh phí đảm bảo hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, các chi phí hoạt động thường xuyên khác, không bao gồm Quỹ tiền lương
b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:	b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này không bao gồm:	
- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.	- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.	Kế thừa Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và sửa đổi từ cho phù hợp
- Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.	-Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ thay thế Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ
	- Kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;	
- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ – CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và kinh phí nâng lương hằng năm sẽ được bổ sung theo chế độ quy định.	- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và kinh phí nâng lương hằng năm sẽ được bổ sung theo chế độ quy định;	Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ thay thế Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ
- Học bổng học sinh, tiền ăn, tiền tàu xe đi về của học viên thuộc diện được ngân sách hỗ trợ.	- Học bổng học sinh, tiền ăn, tiền tàu xe đi về của học viên thuộc diện được ngân sách hỗ trợ;	
- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	- Khoản kinh phí chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư 07/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.	
	- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	
Các nội dung khác: - Định mức trên áp dụng cho mỗi lớp có số học sinh là 35, thời gian học trong năm là 11 tháng. Các trường có số học sinh bình quân cao hơn hoặc thấp hơn 35 học sinh/lớp được cộng hoặc trừ tỷ lệ % so với định mức. Cụ thể :	Các nội dung khác: - Định mức quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này áp dụng cho mỗi lớp có số học sinh là 35. Các trường có số học sinh bình quân cao hơn hoặc thấp hơn 35 học sinh/lớp được cộng hoặc trừ tỷ lệ % so với định mức. Cụ thể:	
+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn 35, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức.	+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn 35, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;	
+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn 35, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.	+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn 35, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Riêng đối với các lớp học sơ cấp nghề: 22 học sinh/lớp, lớp Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề: Lớp nghề bình thường: 22 học sinh/lớp, lớp nghề nặng nhọc độc hại: 16 học sinh/lớp; Các lớp học tại trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật: 20 học sinh/lớp.	- Riêng đối với các lớp học sơ cấp nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH (22 học sinh/lớp), lớp Trung cấp nghề, cao đẳng nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (lớp nghề bình thường: 22 học sinh/lớp, lớp nghề nặng nhọc độc hại: 16 học sinh/lớp); các lớp Trung học Văn hóa Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/TT ngày 20 tháng 8 năm1987 của Bộ Giáo dục quy định tạm thời chế độ giảng dạy của giáo viện mỹ thuật, hội hoa., âm nhạc ở các trường, khoa, lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chuyên dạy hoặc kiêm nhiệm dạy mỹ thuật, hội họa, âm nhạc (20 học sinh/lớp); các lớp Cao đẳng Y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (23 học sinh/lớp)"	
+ Định mức trên áp dụng cho thời gian học trong năm là 11 tháng.	+ Định mức quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này áp dụng cho thời gian học trong năm là 11 tháng;	
+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn quy định, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức.	+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn quy định, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;	
+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn quy định, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.	+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn quy định, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.	
- Số lớp được tính bình quân gia quyền theo số tháng học trong năm.	- Số lớp được tính bình quân gia quyền theo số tháng học trong năm.	
- Định mức trên chỉ áp dụng đối với các lớp đào tạo do ngân sách tỉnh đài thọ và được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu nhiệm vụ.	- Định mức quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 5 Quy định này chỉ áp dụng đối với các lớp đào tạo do ngân sách cấp tỉnh đài thọ và được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao chỉ tiêu nhiệm vụ.	
1.4. Định mức phân bổ chi khám chữa bệnh:	2.3) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	Lĩnh vực dân số thuộc các huyện, thị xã, thành phố quản lý đã chuyển về Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Sở Y tế (ngân sách cấp tỉnh)
Phân bổ chi khám chữa bệnh theo số giường bệnh:	a) Phân bổ chi khám, chữa bệnh:	Tham khảo định mức phân bổ của Bộ, ngành Trung ương theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số tỉnh, thành. Đồng thời, tham khảo nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII thông báo kết quả kiểm toán tại Sở Tài chính tỉnh Bình Phước về cơ chế hỗ trợ chi thường xuyên theo định mức giường bệnh. Do vậy, đối với giai đoạn 2022-2025, đề xuất không xây dựng định mức hỗ trợ theo giường bệnh đối với các Bệnh viện như Nghị quyết 26 mà hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.
Giường bệnh đa khoa ở BV tuyến tỉnh, 116 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm	"Giai đoạn 2022-2025 thực hiện hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Cụ thể:	
Giường bệnh đa khoa ở BV khu vực 100 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm	- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên;	
Giường bệnh của BV lao và bệnh phổi 100 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm	- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên;	
Giường bệnh y dược cổ truyền và phục hồi chức năng 90 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm	- Hằng năm, thực hiện nghiêm lộ trình giá dịch vụ khám chữa bệnh, phấn đấu tăng khả năng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế để giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.	
Bệnh viện huyện, thành phố, bệnh viện 331, Bệnh viện Nhi 100 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm	b) Định mức chi công tác y tế dự phòng, dân số, trạm y tế (Tuyến tỉnh, tuyến huyện).	
	- Định mức chi thường xuyên chi công tác y tế dự phòng tuyến tỉnh được hỗ trợ chi hoạt động vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Ban Y tế dự phòng: 1.915 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm (Trong đó, Quỹ lương: 84,6 trđ/biên chế; chi hoạt động thường xuyên: 11,15 trđ/biên chế)	- Định mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: 20 triệu đồng/biên chế/năm.	- Tính đủ chi phí tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao. - Định mức chi thường xuyên chi công tác y tế dự phòng, dân số của tuyến tỉnh được hỗ trợ chi hoạt động được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể - Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2017-2020 tăng khoảng 7,15%, định mức chi thường xuyên năm 2022 cao hơn năm 2017 là 107,15% để đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị hoạt động phù hợp với mức giá tiêu dùng hiện nay.
Trạm y tế Trung tâm: 936 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm		
Trạm y tế xã 489 triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm (Trong đó, Quỹ lương: 426,4 trđ/05 biên chế; chi hoạt động thường xuyên: 62,6 trđ/trạm)		
a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:	c) Định mức phân bổ quy định tại mục a, mục b, điểm 2.3, khoản 2 Điều 5 Quy định này đã bao gồm:	
Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và toàn bộ hoạt động sự nghiệp y tế đã giao cho đơn vị, kể cả chi phụ cấp ngành Y tế, chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị y tế có giá trị nhỏ.	Toàn bộ hoạt động sự nghiệp y tế đã giao cho đơn vị, chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị y tế có giá trị nhỏ.	
Dự toán sẽ tính lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở của bộ phận quản lý tại các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.		
Các chế độ chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và kinh phí cho công tác dự phòng.		
Riêng Ban y tế dự phòng định mức chi cho 20 biên chế được giao, trạm y tế trung tâm cho 10 biên chế được giao, trạm y tế xã cho 05 biên chế được giao.		
b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:	d) Định mức phân bổ quy định tại mục a, mục b, điểm 2.3, khoản 2 Điều 5 Quy định này không bao gồm:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định 64/2009/NĐ-CP ngày 30/07/2009 của Chính phủ; theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ – CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ sẽ được bổ sung theo chế độ quy định và kinh phí nâng lương hằng năm.		
- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.	- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.	
- Chi hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc diện chính sách xã hội.	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc diện chính sách xã hội.	
- Vốn đối ứng cho các dự án.	- Vốn đối ứng cho các dự án.	
- Đối với mua sắm trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn, hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh Sở Tài chính báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cân đối để thực hiện.	- Đối với mua sắm trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn, hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cân đối để thực hiện.	
- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên, đột xuất của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên, đột xuất của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	
	2.4) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh Căn cứ nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp và nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao cho Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện.	
1.5) Định mức phân bổ chi các lĩnh vực chi còn lại: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ). Định mức chi khác được tính bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế, các đơn vị xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên theo biên chế được giao.	2.5) Định mức phân bổ chi các lĩnh vực chi còn lại: - Tiêu chí xác định định mức: theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao;	
Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;	- Định mức chi thường xuyên: ngân sách nhà nước đảm bảo quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của những người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hỗ trợ chi hoạt động được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình HĐND Tỉnh.	- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền qui định theo pháp luật. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.	
	- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên còn thiếu sau khi đơn vị đã cân đối, sử dụng nguồn thu sự nghiệp (sau khi trừ chi phí) và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trên cơ sở định mức chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;	
	- Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định.	
	- Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân Tỉnh.	
2) Định mức phân bổ chi ngân sách cho huyện, thị xã, thành phố:	**3) Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:**	
2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	3.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	
	3.1.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp huyện:	
a) Phân bổ theo tiêu chí chính:	a) Phân bổ theo tiêu chí chính:	
- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.	- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.	
- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2016-2017 của cấp có thẩm quyền).	- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2021-2022 của cấp có thẩm quyền).	
b) Phân bổ theo dân số:	b) Phân bổ theo dân số:	
- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi.	- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi.	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 729.600 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị: hệ số 1,0; định mức 769.450 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,3; định mức 948.480 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,15; định mức 884.860 đồng/người dân/năm	
Khu vực 3: Hệ số 1,7; định mức 1.240.320 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,3; định mức 1.000.280 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 170; định mức 1.308.060 đồng/người dân/năm	
- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi).	- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi).	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 24.470 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0; mức 26.220 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,3; định mức 31.810 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,15; mức 30.150 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,7; định mức 41.600 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,3; mức 34.090 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 170; mức 44.570 đồng/người dân/năm	
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:	Định mức phân bổ quy định tại tiết a, tiết b, mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục – đào tạo và dạy nghề.	- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục – đào tạo và dạy nghề....	
- Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.	- Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.	
Các nội dung khác	c) Các nội dung khác:	
- Trên cơ sở định mức quy định nêu trên, nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 18% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm 2016 tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí) và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 (kể cả nhu cầu chênh lệch lương tăng thêm theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ). Tỷ lệ này được áp dụng đối với năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của tỉnh.	- Trên cơ sở định mức quy định tại tiết a, tiết b, mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 5 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm 2021 cao hơn 80% tổng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 20% cho các khoản chi còn lại (chưa kể nguồn thu học phí)	
	d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:	
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3, 4, 5 tuổi; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội - Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số	- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;	
	- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chế độ, chính sách Trung ương ban hành sau ngày 31/5/2016 được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;	
	- Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.	
	3.1.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp xã:	
	- Phân bổ theo dân số:	
	Vùng đô thị; hệ số 1,0; mức 12.320 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,15; mức 14.160 đồng/người dân/năm	
	Vùng khó khăn; hệ số 1,3; mức 16.010 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,7; mức 20.940 đồng/người dân/năm	
2.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:		
Phân bổ theo dân số:		
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 24.750 đồng/người dân/năm		
Khu vực 2: Hệ số 1,4; định mức 34.650 đồng/người dân/năm		
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 2,0; định mức 49.500 đồng/người dân/năm		
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:		
- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp y tế được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố, đã bao gồm chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định 64/2009/NĐ-CP ngày 30/07/2009 của Chính phủ; Phụ cấp thu hút theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; Phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Phụ cấp đặc biệt xã biên giới theo Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ sẽ được bổ sung theo chế độ quy định.		
2.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:	3.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:	
	3.2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp huyện:	
a) Phân bổ theo dân số:	a) Phân bổ theo dân số:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 17.360 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0 ; mức: 14.970 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,4; định mức 24.300 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,2 ; mức: 14.970 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,9; định mức 32.980 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; mức: 20.950 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; mức: 28.440 đồng/người dân/năm	
b) Phân bổ bổ sung cho các di tích lịch sử - văn hoá; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho cấp huyện, xã quản lý để duy tu, sữa chữa: 70 triệu đồng/di tích/năm.	b) Phân bổ bổ sung: Cho các di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm.	
	- Kinh phí thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được bổ sung theo chế độ quy định.	
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:	c) Định mức phân bổ quy định tại tiết a, tiết b, mục 3.2.1, điểm 3.2, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm:	
- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.	Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.	
- Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.	Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.	
- Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá, truyền thanh xã.	Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, truyền thanh xã.	
c) Một số nội dung khác: Đối với kinh phí thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.		
	3.2.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp xã:	
	Phân bổ theo dân số:	
	Vùng đô thị; hệ số 1,0; mức 3.630 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,2; mức 4.350 đồng/người dân/năm	
	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; mức 5.080 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; mức 6.890 đồng/người dân/năm	
2.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình.	3.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình cấp huyện:	
Phân bổ theo dân số:	Phân bổ theo dân số:	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 13.200 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0; mức 14.140 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,4; định mức 18.480 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,2; mức 16.970 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,9; định mức 25.080 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; mức 19.800 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; mức 26.870 đồng/người dân/năm	
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.	Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.3, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.	
2.5) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:	3.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao cấp huyện và cấp xã:	
	- Phân bổ theo dân số:	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 7.130 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0; Định mức cấp huyện: 4.470 đồng/người dân/năm; định mức cấp xã 3.170 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,4; định mức 9.980 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,2; Định mức cấp huyện: 5.360 đồng/người dân/năm; định mức cấp xã 3.800 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,9; định mức 13.550 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; Định mức cấp huyện: 6.250 đồng/người dân/năm; định mức cấp xã 4.430 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; Định mức cấp huyện:84.490 đồng/người dân/năm; định mức cấp xã 6.020 đồng/người dân/năm	
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:	- Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.4, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện, xã; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp tỉnh).	- Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.4, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm:Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện, cấp xã; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp tỉnh).	
2.6) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:	3.5) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:	
	3.5.1) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp huyện:	
a) Phân bổ theo dân số:	a) Phân bổ theo dân số:	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 11.400 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0; định mức: 8.640 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,4; định mức 15.960 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,2; định mức: 10.360 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,9; định mức 21.660 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; định mức: 12.090 đồng/người dân /năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; định mức: 16.410 đồng/người dân/năm	
b) Phân bổ bổ sung:	b) Phân bổ bổ sung:	
- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo; ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân bổ với mức 240.000 đồng/gia đình, đối tượng thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.	- Kinh phí thực hiện NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;	
- Kinh phí để thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/01/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) được hưởng theo quy định tại Nghị định số: 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.	- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;	
	- Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.	
c) Các nội dung khác:	c) Các nội dung khác:	
- Kinh phí thực hiện 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ và Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.	- Hàng năm ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của Ngân sách cấp huyện.	
- Hàng năm ngân sách tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của ngân sách huyện	3.5.2) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp xã:	
	Phân bổ theo dân số:	
	Vùng đô thị; hệ số 1,0; mức 3.580 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,2; mức 4.290 đồng/người dân/năm	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	Vùng khó khăn; hệ số 1,4; mức 5.010 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,9; mức 6.800 đồng/người dân/năm	
2.7) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:	3.6) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:	
	3.6.1) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện:	
a) Phân bổ theo dân số:	a) Phân bổ theo dân số:	
- Quốc phòng	- Quốc phòng	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 36.000 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,0; định mức 19.280 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,5; định mức 54.000 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 19.280 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,7; định mức 61.200 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,5; định mức 28.920 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,7; định mức 32.770 đồng/người dân/năm	
- An ninh	- An ninh	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 11.880 đồng/người dân/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,2; định mức 7.950 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,5; định mức 17.820 đồng/người dân/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 6.360 đồng/người dân/năm	
Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 1,7; định mức 20.200 đồng/người dân/năm	Vùng khó khăn; hệ số 1,5; định mức 9.540 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,7; định mức 10.810 đồng/người dân/năm	
b) Phân bổ bổ sung:	b) Phân bổ bổ sung:	
- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới"): 850 triệu đồng/xã biên giới/năm.	- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới"): 1.000 triệu đồng/xã biên giới/năm.	
- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: 40 triệu đồng/trung đội/năm	- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: 67 triệu đồng/trung đội/năm.	
- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: 33 triệu đồng/trung đội/năm.	- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: 41 triệu đồng/trung đội/năm.	
- Trung đội dân quân cối 82 mm: 23 triệu đồng/trung đội/năm.	- Trung đội dân quân cối 82 mm: 28 triệu đồng/trung đội/năm.	
- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực : 526 triệu đồng/tiểu đội/năm.	- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực: 595 triệu đồng/tiểu đội/năm.	
- Bổ sung kinh phí Bảo vệ dân phố theo quyết định số 113/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh cho thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã AyunPa và huyện Chư Sê. Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.		
c) Các nội dung khác:	c) Nội dung khác:	
Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQTW, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQTW, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	
	Định mức phân bổ quy định tại tiết a, tiết b, tiết c, mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện.	
	3.6.2) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp xã:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
	Phân bổ theo dân số:	
	- Quốc phòng	
	Vùng đô thị: hệ số 1,0; định mức 19.280 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 19.280 đồng/người dân/năm	
	Vùng khó khăn; hệ số 1,5; định mức 28.920 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,7; định mức 32.770 đồng/người dân/năm	
	- An ninh	
	Vùng đô thị; hệ số 1,25; định mức 7.950 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 6.360 đồng/người dân/năm	
	Vùng khó khăn; hệ số 1,5; định mức 9.540 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,7; định mức 10.810 đồng/người dân/năm	
2.8) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:	3.7) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:	
	3.7.1) Đối với cấp huyện:	
a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt (kể cả CB,CC cấp xã):	a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt	
- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.	Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.	
b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:	b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:	
- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); xã, phường, thị trấn (cấp xã):	- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): 2.300 triệu đồng/huyện/năm.	
+ Cấp huyện: 2.160 triệu đồng/huyện/năm.		
+ Cấp xã: 940 triệu đồng/xã/năm.		
- Phân bổ theo dân số:	- Phân bổ theo dân số:	
Khu vực 1: Hệ số 1,0; định mức 7.520 đồng/người/năm	Vùng đô thị; hệ số 1,25; định mức 10.080 đồng/người dân/năm	
Khu vực 2: Hệ số 1,5; định mức 11.280 đồng/người/năm	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 8.060 đồng/người dân/năm	
Khu vực 3: Hệ số 2,00; định mức 15.040 đồng/người/năm	Vùng khó khăn; hệ số 2; định mức 16.120 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 1,5; định mức 12.090 đồng/người dân/năm	
Ghi chú: Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí trang phục, hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.	Định mức phân bổ nêu trên quy định tại tiết a, tiết b, mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 4 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí trang phục, hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 109/2019/NQ-HĐND ngày 10/ tháng 7/năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức quà tặng chức thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70,75,80,85,90,95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã; Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/ tháng 11/ năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; Hỗ trợ kinh phí chi tiêucho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.g 7,15% so với định mức năm 2017. đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung	
- Phân bổ bổ sung:	- Phân bổ bổ sung:	
+ Kinh phí khoán cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; kinh phí khoán cho cán bộ không chuyên trách thôn, buôn, làng, tổ dân phố; kinh phí khoán cho tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, làng, tổ dân phố và chế độ, chính sách khác đối với thôn, làng, tổ dân phố; hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;	+ Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa;	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
+ Hỗ trợ kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 1132-QĐ/TU ngày 14/10/2009 của Tỉnh ủy: 420 triệu đồng/huyện/năm.		
	+ Hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được tỉnh bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.	
c) Các nội dung khác:	c) Các nội dung khác:	
- Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn) quy định tại Điểm b, Mục 2.8 (phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và phân bổ theo dân số) nếu trên nhỏ hơn 25%, sẽ được bổ sung đảm bảo đủ 25%; tỷ lệ chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương của số cán bộ công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt năm 2016 tối đa bằng 75%.	- Trên cơ sở định mức quy định tại tiết a, tiết b, mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 5 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế ở thời điểm cuối năm 2021 cao hơn 75% tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 25% cho các khoản chi còn lại.	
- Trong phạm vi ngân sách huyện, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng trình HĐND cấp mình phê chuẩn định mức chi cho Khối Đảng phù hợp Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương (nay nhập vào Văn phòng Trung ương) - Bộ Tài chính và Quyết định số 1132-QĐ/TU ngày 14/10/2009 của Tỉnh ủy Gia Lai quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy.	- Các huyện, thị xã, thành phố tự xây dựng dự toán chi đối với các cơ quan hành chính để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.	
- Các huyện, thị xã, thành phố tự xây dựng định mức chi đối với các cơ quan hành chính để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.		
- Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Văn hóa Thể thao và Du lịch; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.		
	3.7.2) Đối với cấp xã:	
	a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt	
	Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.	
	b) Phân bổ theo đơn vị hành chính	
	+ Cấp xã: 1.000 triệu đồng/xã/năm.	
	- Phân bổ bổ sung:	
	+ Kinh phí phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; Kinh phí khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phụ cấp Đại biểu HĐND xã; Phụ cấp ủy xã;	
2.9) Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:	3.8) Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế cấp huyện:	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
a) Dự toán chi sự nghiệp kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 2.1 đến mục 2.8 trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi quốc phòng - an ninh qui định tại điểm b mục 2.7). Đối với đô thị loại II, loại III, loại IV, loại V (theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền) quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ được phân bổ thêm: 46.500 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 12.750 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm. Ngoài ra, bổ sung thêm đô thị loại II (thành phố Pleiku): 15.000 triệu đồng/đô thị; bổ sung cho đô thị loại IV (AyunPa, An Khê, Chư Sê): 5.000 triệu đồng/đô thị để chỉnh trang đô thị.	a) Phân bổ theo chỉ tiêu dân số:	
	- Phân bổ theo dân số:	
	Vùng đô thị; hệ số 0,85; định mức 193.970 đồng/người dân/năm	
	Vùng còn lại; hệ số 1,0; định mức 228.200 đồng/người dân/năm	
	Vùng khó khăn; hệ số 1,5; định mức 342.300 đồng/người dân/năm	
	Vùng ĐBKK; hệ số 2; định mức 456.400 đồng/người dân/năm	
	b) Phân bổ theo loại đô thị:	
	- Đô thị loại I: 140.000 trđ/đô thị;	
	- Đô thị loại II: 85.000 trđ/đô thị;	
	- Đô thị loại III: 24.000 trđ/đô thị;	
	- Đô thị loại IV: 17.000 trđ/đô thị;	
	- Đô thị loại V: 8.500 trđ/đô thị;	
	Bổ sung kinh phí đô thị loại I thành phố Pleiku: 25.000 trđ/đô thị;	
	Bổ sung kinh phí đô thị loại IV Ayun Pa, An Khê và Chư Sê: 10.000 trđ/đô thị; để chỉnh trang đô thị;	
	Bổ sung kinh phí đô thị loại V: 5.000 trđ/đô thị; để chỉnh trang đô thị;	
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã	Định mức phân bổ quy định tại mục a, mục b, điểm 3.8, khoản 3, Điều 5 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.	
b) Đối với kinh phí miễn thu thủy lợi phí được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.	c) Đối với kinh phí miễn thu thủy lợi phí được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.	
	d) Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa NĐ 35.	
Các nội dung khác: Ngoài số kinh phí được phân bổ, toàn bộ khoản thu tịch thu vi phạm lâm luật do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố (kể cả Hạt Kiểm lâm) và UBND cấp xã quyết định xử lý được để lại bổ sung chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.	Các nội dung khác: Ngoài số kinh phí được phân bổ, toàn bộ khoản thu tịch thu vi phạm lâm luật do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố (kể cả Hạt Kiểm lâm) và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý được để lại bổ sung chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.	
2.10) Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường:	3.9) Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện:	
a) Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức từ mục 2.1 đến mục 2.9.	a) Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức.	
b) Bổ sung cho thành phố, thị xã và các huyện:	b) Bổ sung cho thành phố, thị xã và các huyện:	
- Thành phố Pleiku: 10.000 triệu đồng/năm	- Thành phố Pleiku: 12.000 triệu đồng/năm	
- Thị xã An Khê, AyunPa và huyện Chư Sê: 3.350 triệu đồng/năm	- Thị xã An Khê, AyunPa và huyện Chư Sê: 4.020 triệu đồng/năm	
- Các huyện: Đăk Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.600 triệu đồng/năm; các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.000 triệu đồng/năm.	- Các huyện: Đăk Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.920 triệu đồng/năm; các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.200 triệu đồng/năm.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp môi trường đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.	Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.	
2.11) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ:	3.10) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện:	
Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại 1: 560 triệu đồng/năm; Đô thị loại 2: 510 triệu đồng/năm; Đô thị loại 3: 460 triệu đồng/năm; Đô thị loại 4: 410 triệu đồng/năm; Đô thị loại 5: 350 triệu đồng/năm (huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại 5).	Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại I: 600 triệu đồng/năm; Đô thị loại II: 550 triệu đồng/năm; Đô thị loại III: 490 triệu đồng/năm; Đô thị loại IV: 440 triệu đồng/năm; Đô thị loại V: 380 triệu đồng/năm (huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại V).	
2.12) Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách địa phương:	3.11) Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách địa phương:	
a) Phân bổ tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 2.1 đến mục 2.11, trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi an ninh quốc phòng qui định tại điểm b mục 2.7.	a) Phân bổ tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 3.1 đến mục 3.10, trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi an ninh quốc phòng qui định tại điểm b mục 3.6.	
Định mức phân bổ chi thường xuyên khác cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên cần thiết, trong đó kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị trong các cơ quan quản lý hành chính	Định mức phân bổ chi thường xuyên khác cho Ngân sách cấp huyện , thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị trong các cơ quan quản lý hành chính, phụ cấp và hoạt động cho y tế thôn, buôn, làng	
b) Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 210 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn.	b) Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 500 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn.	
2.13) Phân bổ bổ sung:	3.12) Phân bổ bổ sung:	
a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2017 thấp được phân bổ thêm:	a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2021 thấp được phân bổ thêm:	
- Dưới 65.000 dân phân bổ thêm 6% số chi tính theo định mức dân số.	- Dưới 65.000 dân: phân bổ thêm 3% số chi tính theo định mức dân số.	
- Từ 65.001 đến dưới 85.000 dân: phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số.	- Từ 65.001 đến dưới 85.000 dân: phân bổ thêm 2% số chi tính theo định mức dân số.	
b) Phân bổ cho 4 huyện có điều kiện kinh tế khó khăn (Gồm: huyện Kông Chro, Kbang, Krông Pa, Ia Pa): 600 triệu đồng/huyện/năm.	b) Phân bổ cho huyện Kông chro có điều kiện kinh tế khó khăn: 800 triệu đồng/huyện/năm.	
c) Phân bổ cho các địa phương có diện tích tự nhiên lớn hoặc số đơn vị hành chính cấp xã nhiều (trừ 4 huyện tại mục b, điểm 2.13):	c) Phân bổ cho các địa phương còn lại (không kể huyện khó khăn) có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều hoặc diện tích của địa phương rộng:	
- Diện tích từ 200 km^2 đến dưới 400km^2: 300 triệu đồng/huyện/năm	- Từ 10 đến dưới 15 đơn vị hành chính cấp xã (hoặc diện tích từ 200 km2 đến dưới 400 km2): 500 triệu đồng.	
- Diện tích trên 400 km^2 hoặc có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã: 400 triệu đồng/huyện/năm.	- Từ 15 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (hoặc diện tích trên 400 km2): 600 triệu đồng.	
d) Hỗ trợ cho các huyện có công trình thủy điện gây ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến đời sống, sản xuất của nhân dân địa phương (Gồm: các huyện Kbang, Chư Păh, Krông Pa, Ia Grai và thị xã An Khê): 1.200 triệu đồng/huyện, thị xã/năm.	d) Hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra (Gồm: huyện Kbang, Ia Grai Chư Păh, Krông Pa): 2.500 triệu đồng/huyện/năm.	
2.14) Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:	3.13) Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:	
Tính bằng 2% tổng chi thường xuyên và chi đầu tư XDCB tập trung.	Tính bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách từng cấp, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2017-2020 - Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	QUY ĐỊNH Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Ghi chú
2.15) Đối với xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, làng, tổ dân phố; di tích văn hóa, lịch sử; Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực được xác định theo Quyết định thành lập, quyết định công nhận hoặc chỉ tiêu giao của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 nếu có tăng thêm mới sẽ được tính toán bổ sung có mục tiêu như sau:	3.14) Đối với xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, làng, tổ dân phố; di tích văn hóa, lịch sử; Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực được xác định theo Quyết định thành lập, quyết định công nhận hoặc chỉ tiêu giao của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 nếu có tăng thêm mới sẽ được tính toán bổ sung có mục tiêu như sau:	
a) Xã, phường, thị trấn: được bổ sung chi thường xuyên cho địa phương bằng mức trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.	a) Xã, phường, thị trấn: được bổ sung chi thường xuyên cho địa phương bằng mức trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.	
b) Thôn, buôn, làng, tổ dân phố: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.	b) Thôn, buôn, làng, tổ dân phố: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.	
c) Di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng: 70 triệu đồng/di tích/năm.	c) Di tích văn hoá, lịch sử được xếp hạng: 100 triệu đồng/di tích/năm.	
d) Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.	d) Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.	
Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh	Điều 6. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh	
1) Từ năm 2018 đến năm 2020: đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp tỉnh như: quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp nghiên cứu khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	1) Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh hằng năm.	
2) Từ năm 2018 đến năm 2020: tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và hỗ trợ cho các địa phương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng và 02 địa phương có dân số ít (huyện Đăk Pơ và thị xã Ayun Pa) theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	2) Đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh: Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu của ngân sách nhà nước, tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	
3) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn./.	3) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2021/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày tháng năm 2021*

Dự thảo lần 3

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày ..../..../2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tỉnh Gia Lai.

Điều 2 Điều khoản thi hành

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày .... tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022/.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, và UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV phòng Tổng hợp;
- Báo GL; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước .

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025

1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

- Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo , bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ quan trọng của địa phương; bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã được phân cấp nguồn thu để chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao , hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên trừ các nguồn thu không ổn định hàng năm; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, khai thác, chống thất thu ngân sách tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

a) Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới.

b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

đ) Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

e) Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài;

f) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ

động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương;

g) Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước *(không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất)* và dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

h) Quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác tại Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ: huyện, thị xã, thành phố phân bổ không được thấp hơn mức tỉnh phân bổ cho địa phương; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Phân cấp nguồn thu các khoản thuế; lệ phí môn bài

1. Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% các khoản thu gồm:

a) Thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn nhà nước do Cục thuế tỉnh quản lý trực

tiếp người nộp thuế. Khoản thu quy định tại điểm này không bao gồm nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)

b) Thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước.

2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách huyện) hưởng 100% gồm:

a) Thu từ doanh nghiệp không có vốn của nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế.

- Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)

- Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình, dự án bằng nguồn vốn khác trên địa bàn cấp huyện (không phân biệt loại hình doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thi công xây dựng do cơ quan thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp).

- Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, hợp tác xã, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2022 đến hết năm 2025.

Điều 5. Phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước

1) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:

a) Ngân sách cấp tỉnh:

a1) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%: Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện;

a2) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền một lần từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền hàng năm của các tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế.

b) Ngân sách huyện:

b1) Ngân sách huyện hưởng 90%, ngân sách cấp tỉnh hưởng 10% (để thực hiện dự án đo đạc): Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư

thực hiện; tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định;

b2) Ngân sách huyện hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền hàng năm của các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế.

2) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

Điều 6. Phân cấp nguồn thu của các lĩnh vực còn lại

1 Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (kể cả thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông):

a) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh xử lý: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện xử lý: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

c) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp xã xử lý: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

2) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu tiền bán cây đứng; các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

3) Thu sự nghiệp; thu phí và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; thu tiền cho thuê quầy bán hàng; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

c) Riêng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

4) Lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: ngân sách huyện hưởng 100%.

5) Thu kết dư ngân sách địa phương:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

6) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: thu từ ngân sách trung ương bổ sung.

b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung.

c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: thu từ ngân sách cấp huyện bổ sung.

7) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

c) Ngân sách cấp xã hưởng 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

8) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản:

a) Đối với Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép khai thác khoáng sản do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh.

b) Đối với Giấy phép khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh 70%; Ngân sách cấp huyện 30%.

9) Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Mục 2

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý; đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư).

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; cấp vốn điều lệ và hỗ trợ các Quỹ hỗ trợ đầu tư, trích lập quỹ phát triển đất; hỗ trợ doanh nghiệp, thương mại của địa phương.

c) Hỗ trợ các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, chi khen thưởng cho các tổ chức kinh tế có thành tích thực hiện tốt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đóng góp nguồn thu v.v... được địa phương khuyến khích.

d) Hỗ trợ ngân sách đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng ngân sách cấp tỉnh.

đ) Hỗ trợ xây dựng Cơ sở Huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh; xây dựng Chốt chiến đấu Dân quân thường trực trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Lĩnh vực giao thông: duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới đất liền, biển cảnh báo biên giới, công trình bảo vệ cột mốc biên giới thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện); hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;

- Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: hoạt động của các trung tâm; hoạt động bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông; hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chi các dự án nông nghiệp; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi;

- Lĩnh vực lâm nghiệp: hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hoạt động khuyến lâm; chống khai thác, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép;

- Quy hoạch có tính chất kỷ thuật, chuyên ngành;

- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường, sự nghiệp thông tin và truyền thông; hoạt động du lịch;

- Chi các hoạt động xúc tiến đầu tư, công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại, khuyến công, khuyến khích hỗ trợ đầu tư khuyến công;

- Điều tra cơ bản và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Điều tra cơ bản, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường; hoạt động quan trắc môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên; rừng quốc gia thuộc tỉnh quản lý;

- Phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục trung học phổ thông (kể cả dân tộc nội trú, bổ túc văn hóa);

- Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp tỉnh; tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định; kinh phí thực hiện quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGTDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Thông tư số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2007 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập cho các trường do cấp tỉnh quản lý.

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số

39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt và đối tượng khác học tại Cơ sở Huấn luyện Giáo dục - Quốc phòng an ninh/eBB991.

- Kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng công an xã (trừ công an chính quy), bảo vệ dân phố.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác tại cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện (Bệnh viện tuyến tỉnh, dự phòng tuyến tỉnh; bệnh viện tuyến huyện, Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố);

- Mua thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định;

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.

đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Chi các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ khác theo quy định của pháp luật.

e) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Hoạt động của các trung tâm, trại xã hội thuộc tỉnh quản lý;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người bị nhiễm chất độc hóa học; cứu đói, cứu trợ xã hội đột xuất;

- Khắc phục thiên tai trên diện rộng, vượt quá khả năng của Ngân sách cấp huyện;

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; đào tạo cán bộ quân sự địa phương; huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng khác do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp tỉnh thực hiện;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp tỉnh;

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp tỉnh thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025;

- Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn theo quy định tại Quyết định 799/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã phường, thị trấn trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo;

- Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do cơ quan quân sự, biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác thuộc cấp tỉnh thực hiện;

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhiệm vụ đột xuất về quốc phòng theo quy định khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

- Diễn tập và hội thao quốc phòng theo Kế hoạch của tỉnh do cơ quan quân sự cấp tỉnh thực hiện;

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp tỉnh thực hiện;

- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật;

- Quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương;

- Phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện;

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và quản lý bảo vệ biên giới;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Hỗ trợ cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Trang phục cho lực lượng Công an xã, thị trấn (trừ công an chính quy); trang phục cho bảo vệ dân phố theo chế độ quy định;

- Công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng;

- Công tác lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng bắt buộc, chi hoạt động tạm giữ hành chính người và tài sản;

- Chi đền bù và trợ cấp đối với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp Tỉnh thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

k) Hỗ trợ hoạt động của Đoàn đại biểu quốc hội của tỉnh.

l) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

m) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp tỉnh.

o) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

p) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện.

q) Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và hỗ trợ kinh phí xuất bản báo Gia Lai.

r) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

s) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

t) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

) Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách năm sau.

u) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác quốc tế.

x) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính; chi thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai".

v) Thực hiện vốn đối ứng theo quy định của pháp luật.

y) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy định này):

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè, công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách cấp tỉnh đầu tư);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trụ sở xã, trường mầm non,trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới);

- Đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt của Công an xã theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Hỗ trợ xây dựng trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện, thị xã, thành phố;

- Đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện của huyện, thị xã, thành phố;

- Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, , kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

b) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.

c) Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ Phát triển đất; chi hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi hổ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa ; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ) do cấp huyện, cấp xã quản lý;

- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;

- Lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cấp huyện quản lý;

- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

-Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng, tưới nước cây xanh, thảm cỏ đô thị;

- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;

- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hóa);

- Công tác xóa mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;

- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, hướng nghiệp dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương bình & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy

định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định cho các trường do cấp huyện quản lý;

- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

đ) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cồng chiêng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

e) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của các đối tượng do huyện quản lý;

- Cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất;

- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do huyện, thị xã, thành phố tổ chức;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 tháng 2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025.

- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực ở 07 xã biên giới và 01 xã nội địa, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;

- Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ (bao gồm kinh phí đảm bảo vật chất hậu cần cho dân quân thường trực theo quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ), hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở và xã biên giới;

- Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách huyện, thị xã, thành phố được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh cho cơ quan quân sự, các đồn Biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác của huyện, thị xã, thành phố.

- Diễn tập và hội thao quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện

- Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp huyện thực hiện.

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");

- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);

- Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở và xã biên giới;

- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp huyện thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

k) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố.

l) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện, thị xã, thành phố.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.

n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.

o) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

p) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình mục tiêu nhiệm vụ, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

q) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

r) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương.

s) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.

u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định

phù hợp với khả năng quản lý của từng xã; Quy hoạch để đảm bảo theo quy định tại Luật Quy hoạch;

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp.

b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

2) Chi thường xuyên:

a) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.

b) Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Hoạt động của Ủy ban Măt trận Tổ quốc Việt Năm, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.

d) Chế độ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo qui định của trung ương và địa phương.

đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.

e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.

f) Chi cho công tác bảo về rừng do cấp xã quản lý.

g) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật; hoạt động hòa giải ở cơ sở; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật..

h) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục…).

i) Hỗ trợ đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.

k) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng, tổ dân phố. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.

l) Hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

m) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.

n) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:

- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới");

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã;

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo quy định của pháp luật.

o) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã (trừ Công an phường), bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;

- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã, phường, thị trấn;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

p) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn

q) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

r) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

s) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.

t) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

u) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 10. Tiêu chí phân bổ

Về tiêu chí phân bổ:

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: chọn qui mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách. Cụ thể:

+ Đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề: chọn tiêu chí số lớp;

+ Đối với các đơn vị quản lýnhà nước, đảng, đoàn thể: chọn tiêu chí biên chế.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công;

- Đối với Ngân sách cấp huyện, cấp xã: chọn qui mô về dân số có phân loại theo 4 vùng (Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tác, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Theo đó, có quy định: Vùng đặc biệt khó khăn, gồm: Toàn bộ dân số ở các xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền; Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn (không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II) theo quy định của cấp có thẩm quyền; Vùng đô thị: Bao gồm dân số ở các phường, thị trấn còn lại (không kể dân số ở các phường, thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn); Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số ở các xã thuộc khu vực còn lại.). Ngoài ra, tùy theo các lĩnh vực chi sẽ có các tiêu chí phân bổ khác bổ sung như quỹ tiền lương; số đơn vị hành chính cấp huyệnvà cấp xã; loại đô thị, số di tích lịch sử, văn hóa; xã biên giới; phân bổ hỗ trợ thêm cho huyện có dân số thấp; điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra; bổ sung thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế cho các vùng động lực của tỉnh: sự nghiệp môi trường theo quy mô dân số và đô thị; đưa vào cân đối chi các chế độ, chính sách hiện hành… tạo điều kiện cho ngân sách cấp huyện và xã có kinh phí đảm bảo chi cho các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước.

Điều 11. Định mức phân bổ

1) Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

1.1) Định mức phân bổ chi quản lýhành chính:

a) Phân bổ theo biên chế (kể cả hợp đồng được giao):

Áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái; số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị được chia thành các bậc khác nhau với quy mô biên chế bậc đầu tiên là 19 biên chế trở xuống. Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

STT	Quy mô biên chế	Định mức
1	Từ 19 biên chế trở xuống	32
2	Từ biên chế thứ 20 đến 29	31
3	Từ biên chế thứ 30 đến 49	30
4	Từ biên chế thứ 50 trở lên	29

b) Phân bổ bổ sung:

- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc),Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao;

- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh, Ban Dân tộc khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Các đơn vị dự toán cấp I có nhiều đơn vị trực thuộc bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo được tính bổ sung thêm 10% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc); Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được sung thêm 5% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị đã được phân bổ bổ sung 20% và 50% nêu trên);

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù thường xuyên (theo quy định tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước) của Khối Đảng tỉnh thực hiện theo văn bản quy định cơ chế quản lý tài chính, một số chế độ chi đối với các cơ quan của Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo hợp lý, tiết kiệm phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp trình Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách hàng năm;

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

c) Định mức phân bổ quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 11 Quy định này bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: tiền làm thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, hỗ trợ chi đào tạo, vật tư văn phòng, điện nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan;

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi hoạt động, kiểm tra thường xuyên của đơn vị; kinh phí thường xuyên hoạt động tiếp dân, xử lý đơn thư (trừ các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách như: các đơn vị thuộc khối Đảng tỉnh (theo Văn bản số 115-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân trên địa bàn tỉnh), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh);

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả, kinh phí nâng lương hằng năm);

- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, đoàn thể, các sở, ngành: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở;

- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương;

- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật.

- Chi mua ô tô; chi mua sắm mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho biên chếbổ sung;

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chi mua sắm (trong tiêu chuẩn, định mức quy định), bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở làm việc, sửa chữa tài sản cố định có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí quản lý hành chính được phân bổ);

- Kinh phí hỗ trợ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học;

- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh;

- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành do tỉnh thành lập;

- Các khoản chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ) Nội dung khác: Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (kể cả biên chế dự bị và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập).

e) Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức quy định tại điểm 1.1, khoản 1 Điều này nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tối đa 75%.1.2) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập:

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

- Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên (phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định). Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn thiếu.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương

khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo quyết toán hằng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định".

2.2. Định mức phân bổ:

2.2.1. Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

STT	Loại hình - Qui mô trường	Định mức phân bổ chi
1	Từ lớp thứ 17 trở xuống	48
2	Từ lớp thứ 18 đến lớp thứ 27	45
3	Từ lớp thứ 28 trở lên	42

a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng giờ, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.

b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) và kinh phí nâng lương hằng năm);

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị

quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Kinh phí hỗ trợ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo quy định tại Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Kinh phí hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định cửa cấp có thẩm quyền.

c) Các nội dung khác:

- Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Các trường có số học sinh bình quân dưới 40 học sinh/lớp (trừ các lớp học sinh dân tộc nội trú và các lớp chuyên) chỉ tính 95% định mức quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này.

- Số lớp được tính bình quân số học giữa số lớp đầu năm và số lớp sau khi khai giảng năm học mới.

2.2.2. Định mức phân bổ chi đào tạo:

Phân bổ theo số lớp đào tạo:

Đơn vị tính : triệu đồng/lớp/năm

STT	Ngành nghề đào tạo	Định mức phân bổ
1	Cao đẳng sư phạm	123
2	Trung học sự phạm	105
3	Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	105
4	Khối ngành kỹ thuật – nghiệp vụ	145
5	Khối ngành sức khỏe	115
6	Khối ngành văn hóa – nghệ thuật	65

a) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ kinh phí đảm bảo hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, các chi phí hoạt động thường xuyên khác (kể cả chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị).

b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) và kinh phí nâng lương hằng năm);

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và kinh phí nâng lương hằng năm sẽ được bổ sung theo chế độ quy định;

- Học bổng học sinh, tiền ăn, tiền tàu xe đi về của học viên thuộc diện được ngân sách hỗ trợ;

- Khoản kinh phí chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy đinh tại Thông tư 07/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các nội dung khác:

- Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này áp dụng cho mỗi lớp có số học sinh là 35. Các trường có số học sinh bình quân cao hơn hoặc thấp hơn 35 học sinh/lớp được cộng hoặc trừ tỷ lệ % so với định mức. Cụ thể:

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn 35, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn 35, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Riêng đối với các lớp học sơ cấp nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH (22 học sinh/lớp), lớp Trung cấp nghề, cao đẳng nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (lớp nghề bình thường: 22 học sinh/lớp, lớp nghề nặng nhọc độc hại: 16 học sinh/lớp); các lớp Trung học Văn hóa Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/TT ngày 20 tháng 8 năm1987 của Bộ Giáo dục quy định tạm thời chế độ giảng dạy của giáo viện mỹ thuật, hội họa., âm nhạc ở các trường, khoa, lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chuyên dạy hoặc kiêm nhiệm dạy mỹ thuật, hội họa, âm nhạc (20 học sinh/lớp); các lớp Cao đẳng Y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số

16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (23 học sinh/lớp)"

+ Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này áp dụng cho thời gian học trong năm là 11 tháng;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn quy định, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức;

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn quy định, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Số lớp được tính bình quân gia quyền theo số tháng học trong năm.

- Định mức quy định tại điểm 2.2.2, khoản 2, Điều 11 Quy định này chỉ áp dụng đối với các lớp đào tạo do ngân sách cấp tỉnh đài thọ và được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao chỉ tiêu nhiệm vụ.

2.2.3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

a) Phân bổ chi khám, chữa bệnh:

"Giai đoạn 2022-2025 thực hiện hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Cụ thể:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên;

- Hằng năm, thực hiện nghiêm lộ trình giá dịch vụ khám chữa bệnh, phấn đấu tăng khả năng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế để giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Định mức chi công tác y tế dự phòng, dân số, trạm y tế (Tuyến tỉnh, tuyến huyện).

- Định mức chi thường xuyên chi công tác y tế dự phòng tuyến tỉnh: được hỗ trợ chi hoạt động vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

- Định mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.3, khoản 2 Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ chi hoạt động sự nghiệp y tế của các đơn vị, chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị y tế có giá trị nhỏ.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.3, khoản 2 Điều 11 Quy định này không bao gồm:

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ Khoản 2 Mục I và Khoản 3, Khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tỉnh công tác và Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc diện chính sách xã hội.

- Vốn đối ứng cho các dự án.

- Đối với mua sắm trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn, hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cân đối để thực hiện.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên, đột xuất của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.2.4. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp và nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao cho Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện.

2.2.5. Định mức phân bổ chi các lĩnh vực chi còn lại:

- Tiêu chí xác định định mức: theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao;

- Định mức chi thường xuyên: ngân sách nhà nước đảm bảo quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của những người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hỗ trợ chi hoạt động được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng đấu thầu, hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền qui định theo pháp luật. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên còn thiếu sau khi đơn vị đã cân đối, sử dụng nguồn thu sự nghiệp (sau khi trừ chi phí) và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trên cơ sở định mức chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định.

- Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân Tỉnh.

3) Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

3.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

3.1.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp huyện:

a) Phân bổ theo tiêu chí chính:

- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2021-2022 của cấp có thẩm quyền).

b) Phân bổ theo dân số:

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi.

Đơn vị tính : đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	769.450
Vùng còn lại	1,15	884.860
Vùng khó khăn	1,3	1.000.280
Vùng ĐBKK	1,70	1.308.060

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi).

Đơn vị tính : đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	26.220
Vùng còn lại	1,15	30.150
Vùng khó khăn	1,30	34.090
Vùng ĐBKK	1,70	44.570

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục – đào tạo và dạy nghề....

- Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

c) Các nội dung khác:

Trên cơ sở định mức quy định tại mục 3.1.1, điểm 3.1, khoản 3, Điều 11 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm 2021 và học bổng học sinh dân tộc nội trú cao hơn 80% tổng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 20% cho các khoản chi còn lại (chưa kể nguồn thu học phí)

d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương bình & Xã hội - Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

3.1.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề cấp xã:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	12.320
Vùng còn lại	1,15	14.160
Vùng khó khăn	1,30	16.010
Vùng ĐBKK	1,70	20.940

3.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

3.2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp huyện
Vùng đô thị	1	14.970
Vùng còn lại	1,2	17.960
Vùng khó khăn	1,4	20.950
Vùng ĐBKK	1,9	28.440

b) Phân bổ bổ sung:

- Cho các di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm.

- Kinh phí thực hiện Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được bổ sung theo chế độ quy định.

c) Định mức phân bổ quy định tại mục 3.2.1, điểm 3.2, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm:

Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đã phân cấp cho cấp huyện.

Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.

Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, truyền thanh xã.

3.2.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.630
Vùng còn lại	1,2	4.350
Vùng khó khăn	1,4	5.080
Vùng ĐBKK	1,9	6.890

3.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình cấp huyện:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	14.140
Vùng còn lại	1,2	16.970
Vùng khó khăn	1,4	19.800
Vùng ĐBKK	1,9	26.870

Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.3, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

3.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao cấp huyện và cấp xã:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ		
	Hệ số	Định mức cấp huyện	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	4.470	3.170
Vùng còn lại	1,2	5.360	3.800
Vùng khó khăn	1,4	6.250	4.430
Vùng ĐBKK	1,9	8.490	6.020

- Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.4, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện, cấp xã; kinh phí tham gia đại hội TĐTT cấp tỉnh).

3.5) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

3.5.1) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức cấp huyện
Vùng đô thị	1	8.640
Vùng còn lại	1,2	10.360
Vùng khó khăn	1,4	12.090
Vùng ĐBKK	1,9	16.410

b) Phân bổ bổ sung:

- Kinh phí thực hiện NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

- Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

c) Các nội dung khác:

- Hàng năm ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của Ngân sách cấp huyện.

3.5.2) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.580
Vùng còn lại	1,2	4.290
Vùng khó khăn	1,4	5.010
Vùng ĐBKK	1,9	6.800

3.6) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:

3.6.1) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	19.280	1,25	7.950
Vùng còn lại	1	19.280	1,0	6.360
Vùng khó khăn	1,5	28.920	1,5	9.540
Vùng ĐBKK	1,7	32.770	1,7	10.810

b) Phân bổ bổ sung:

- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới"): 1.000 triệu đồng/xã biên giới/năm.

- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: 67 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: 41 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân cối 82 mm: 28 triệu đồng/trung đội/năm.

- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực ở 07 xã biên giới và 01 xã nội địa : 595 triệu đồng/tiểu đội/năm.

c) Nội dung khác: Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQTW, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện.

3.6.2) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	19.280	1,25	7.950
Vùng còn lại	1	19.280	1,0	6.360
Vùng khó khăn	1,5	28.920	1,5	9.540
Vùng ĐBKK	1,7	32.770	1,7	10.810

3.7) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

3.7.1) Đối với cấp huyện:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt:

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:

- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): 2.300 triệu đồng/huyện/năm.

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1,25	10.080
Vùng còn lại	1,0	8.060
Vùng khó khăn	1,5	12.090
Vùng ĐBKK	2,0	16.120

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Kinh phí trang phục, hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo quy đinh tại Nghị quyết số 109/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức quà tặng chức thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã; Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW

ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; Hỗ trợ kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 856-QĐ/TU ngày 03 tháng 01 tháng 2018 của Tỉnh ủy quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa;

+ Hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Các nội dung khác:

- Trên cơ sở định mức quy định tại mục 3.7.1, điểm 3.7, khoản 3, Điều 11 Quy định này, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế ở thời điểm cuối năm 2021 cao hơn 75% tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 25% cho các khoản chi còn lại.

- Các huyện, thị xã, thành phố tự xây dựng dự toán chi đối với các cơ quan hành chính để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

3.7.2) Đối với cấp xã:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính

+ Cấp xã: 1.000 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; Kinh phí khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phụ cấp Đại biểu HĐND xã; Phụ cấp ủy xã;

3.8) Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế cấp huyện:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu dân số:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	0,85	193.970
Vùng còn lại	1,0	228.200
Vùng khó khăn	1,5	342.300
Vùng ĐBKK	2	456.400

b) Phân bổ theo loại đô thị:

- Đô thị loại I: 140.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại II: 85.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại III: 24.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại IV: 17.000 triệu đồng/đô thị;

- Đô thị loại V: 8.500 triệu đồng/đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại I thành phố Pleiku: 25.000 triệu đồng /đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại IV Ayun Pa, An Khê và Chư Sê: 10.000 triệu đồng /đô thị; để chỉnh trang đô thị;

Bổ sung kinh phí đô thị loại V: 5.000 triệu đồng /đô thị; để chỉnh trang đô thị;

c) Phân bổ bổ sung

- Đối với kinh phí miễn thu thủy lợi phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.
- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm 3.8, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

e) Các nội dung khác: Ngoài số kinh phí được phân bổ, toàn bộ khoản thu tịch thu vi phạm lâm luật do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố (kể cả Hạt Kiểm lâm) và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý được để lại bổ sung chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

3.9) Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện:

a) Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức.

b) Bổ sung cho thành phố, thị xã và các huyện:

- Thành phố Pleiku: 12.000 triệu đồng/năm

- Thị xã An Khê, AyunPa và huyện Chư Sê: 4.020 triệu đồng/năm

- Các huyện: Đăk Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.920 triệu đồng/năm; các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.200 triệu đồng/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

3.10) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện:

Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại I: 600 triệu đồng/năm; Đô thị loại II: 550 triệu đồng/năm; Đô thị loại III: 520 triệu đồng/năm; Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/năm; Đô thị loại V: 400 triệu đồng/năm (huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại V).

3.11) Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách địa phương:

a) Phân bổ tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 3.1 đến mục 3.10, trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi an ninh quốc phòng qui định tại điểm b mục 3.6.

Định mức phân bổ chi thường xuyên khác cho Ngân sách huyện , thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị trong các cơ quan quản lý hành chính, phụ cấp và hoạt động cho y tế thôn, buôn, làng.

b) Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 500 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn.

3.12) Phân bổ bổ sung:

a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2021 thấp được phân bổ thêm:

- Dưới 50.000 dân: phân bổ thêm 15.000 triệu đồng/địa phương.

b) Phân bổ cho huyện Kông Chro có điều kiện kinh tế khó khăn: 800 triệu đồng/huyện/năm.

c) Phân bổ cho các địa phương còn lại (không kể huyện khó khăn) có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều hoặc diện tích của địa phương rộng:

- Từ 10 đến dưới 15 đơn vị hành chính cấp xã (hoặc diện tích từ 200 km2 đến dưới 400 km2): 500 triệu đồng.

- Từ 15 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (hoặc diện tích trên 400 km2): 600 triệu đồng.

d) Hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra (Gồm: huyện Kbang, Ia Grai Chư Păh, Krông Pa, An Khê, Krông Chro, Phú Thiện, Ia Pa, Ayun Pa): 2.500 triệu đồng/huyện/năm.

3.13) Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:

Tính bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách từng cấp, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3.14) Đối với xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, làng, tổ dân phố; di tích văn hóa, lịch sử; Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực được xác định theo Quyết định thành lập, quyết định công nhận hoặc chỉ tiêu giao của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 nếu có tăng thêm mới sẽ được tính toán bổ sung có mục tiêu như sau:

a) Xã, phường, thị trấn: được bổ sung chi thường xuyên cho địa phương bằng mức trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.

b) Thôn, buôn, làng, tổ dân phố: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

c) Di tích văn hoá, lịch sử được xếp hạng: 100 triệu đồng/di tích/năm.

d) Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

Điều 12. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh

1) Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh hằng năm.

2) Đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh; Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu

của ngân sách nhà nước, tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.

4) Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.